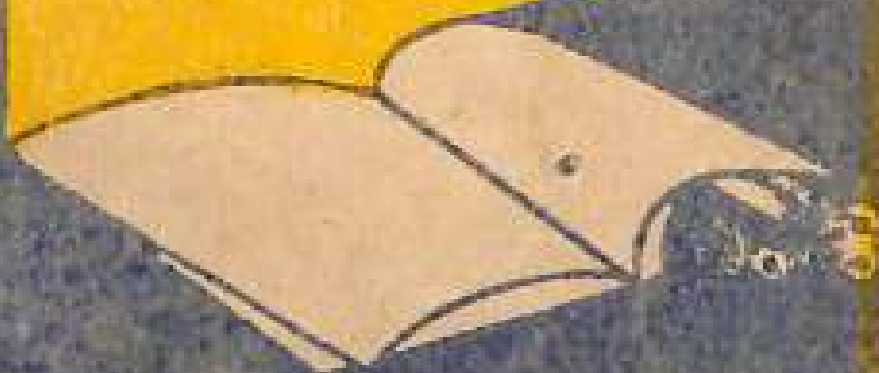


TRÚC KHÊ

TRẦN THỦ ĐỘ

DANH NHÂN TRUYỀN KÝ

原守度
竹溪



NHA
XUẤT
BẢN
THÀNH
BÌNH



Tên sách : TRẦN THỦ ĐỘ – DANH NHÂN TRUYỆN KÝ

Tác giả : TRÚC-KHÊ NGÔ VĂN-TRIỆN

Nhà xuất bản : THANH BÌNH

69, Hàng Bông Thợ Ruộm, HANOI

Năm xuất bản : 1952

Nguồn sách : Từ Đức Châu

Đánh máy : Ớt Hiếm

Kiểm tra chính tả : Thư Võ

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 08/01/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TRÚC-KHÊ NGÔ VĂN-TRIỆN và nhà xuất bản
THANH BÌNH đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

Ghi Chú :

- Để lưu lại vết tích của sách xưa, nhóm làm ebook sao y bản chính những phương ngữ và chính tả xưa như : Hàng Bông Thợ Ruộm, tháng riêng, khôn kể hết được, sự-biến tầy giờ, ý giờ, nếp dăn, rặng rỡ, rồ cỏ rồ tận rể, xiêu giẹo, kéo giài...

- Do bản sách gốc mờ, chữ in bị mất nét nên nhóm làm ebook khó đảm bảo độ chính xác của các danh từ riêng in trong sách này (địa danh, tên nhân vật...). Mong bạn đọc thông cảm.

MỤC LỤC

I. Cuộc suy loạn ở cuối đời Lý

II. Họ Trần vào cầm giữ triều-quyền

III. Trần Thủ-Độ trước cái ngôi báu chông chênh của họ Lý

IV. Trần thay ngôi Lý

V. Rõ cỏ rõ tận rễ

IV. Hai đám giặc kiệt kiệt

VII. Mấy việc làm ngang ngược

VIII. Đầu thần chưa rơi xuống đất xin Bệ-hạ đừng lo

IX. Tội hay công ?

TRÚC-KHÊ
NGÔ VĂN-TRIỆN
TRẦN THỦ ĐỘ
DANH NHÂN TRUYỆN KÝ

Nhà Xuất-Bản

Thanh-Bình

69, Hàng Bông Thợ Ruộm

– HANOI –

TRẦN THỦ ĐỘ
DANH-NHÂN TRUYỆN-KÝ

I. Cuộc suy loạn ở cuối đời Lý

TRIỀU LÝ đến đời ông vua thứ bảy là Cao-tông, thật là một đời suy loạn.

Vua là con Anh-tông và bà Thái-hậu họ Đỗ. Năm lên nối ngôi cha (Ất-mùi 1175) mới có 3 tuổi. Nhưng bấy giờ phụ chính trong triều còn có Thái-úy Tô Hiến-Thành, một người bày tôi lương đồng. Bởi vậy mấy năm đầu niên hiệu Trinh-phù, trong nước còn được tri bình. Không may đến năm Trinh-phù thứ 4 (1179), quan Thái-úy họ Tô từ trần, từ đấy quốc-chính nằm ở tay bà Đỗ Thái-hậu cùng những viên quan rất thiếu tài kinh quốc, nên thế nước mỗi ngày một kém. Rồi Cao-tông tuổi dần nhớn lên, bắt đầu thân chính, lại là một ông vua không biết nghĩ lấy nước lấy dân làm trọng. Vua ham thích sự tuần du quá, nay ngự giá đi chơi hạt này, mai ngự giá đi chơi hạt khác, vết xe dấu ngựa, in lên hầu khắp các phủ lộ xa gần. Cứ sự đón rước, cũng đã đủ phiền và làm ngăn trở công việc làm ăn của muôn dân trăm họ lắm rồi, huống chi đi đến đâu, hễ thấy nói có vị thần nào, vua cũng ban cho phong hiệu và bắt dân phải lập miếu đền thờ cúng. Ở kinh Thăng-long, vua lại bày ra các cuộc xây dựng hết cung này đến điện khác, làm cho kho tàng phải vỡ vét trống rỗng, dân chúng phải phục dịch nhọc nhằn. Những vị chính thần cũng có người can ngăn, nhưng vua không chịu để vào tai mấy nhờ nói không hợp với tính hoang đãng. Một lần cai gác Kính-thiên đương xây dựng dở, có chim bồ các đến làm tổ ở nóc và đẻ ra con. Quần thần nhân việc ấy có người can rằng :

« Khi xưa đời Ngụy Minh-đế dựng gác Lăng-tiêu, có chim bồ-các đến làm tổ, Cao Đường-Long can ngăn vua rằng « Thần nghe trong kinh Thi có câu : *Bồ-các làm tổ, tu-hú đến ở* ¹. Nay bồ-các làm tổ ở gác trong cung, ý ngu của thần trộm nghĩ rằng gác tuy dựng thành nhưng rồi tất có họ khác

đến ở ». Xin bệ hạ nên nghĩ kỹ lời nói của Đường-Long, trước lo lấy việc tu đức rồi hãy nghĩ đến việc xây dựng ».

Lời can ngăn khích thiết đến thế, nhưng cũng không khiến được Cao-tông chừa lòng, đổi ý. Vua chỉ nghe theo lời của kẻ hoạn quan là Phạm-Bình-Di, đốc thúc dân phải làm mau chóng xong các cung điện ; trăm họ càng khổ sở vô cùng.

Bởi những chính lệnh không tốt như trên ấy, nên đã khiến lòng dân oán giận bất bình, huống lại thêm luôn năm có những thiên tai xảy ra, hết đại hạn, đến bão lụt, rồi lại động đất, mùa màng hao hại, dân chúng phải chết đói chết khát nhan nhản, nhân thế mà giặc giã nổi lên khắp chốn.

Những đám giặc của thời ấy, trước sau nổi lên đại khái như là :

Năm Trinh-phù thứ 9 (1184), mùa đông có cuộc nổi loạn của dân các trại Tư, trại Mông.

Năm thứ 10 (1185) mùa thu, có cuộc nổi loạn của dân mán trại Viêm.

Năm Thiên-tử-gia-thụy thứ 7 (1192) có cuộc nổi loạn của người giáp Cổ-hoảng ở phủ Thanh hóa. Nguyên người giáp ấy một hôm họ thấy vết chân trâu ở thân cây muỗm, trông lên thì trên cây có con trâu trắng, lúc lâu con trâu đo một ngạc cây khác mà xuống. Người giáp ấy là Lê-Văn đoán rằng : « trâu là giống vật ở dưới đất mà lại trèo lên trên cây, đó là cái lượng kẻ dưới lên ở ngôi trên đó. » Họ bèn họp nhau nổi lên làm loạn, nhưng triều-đình dẹp yên ngay được.

Năm thứ 13, có cuộc nổi loạn của Ngô Công-Lý người làng Cao-xá hạt Diễn-châu. Lại cuộc nổi loạn của bọn Đinh-Khả, ở châu Đại-hoàng² ; Đinh Khả tự xưng là dòng dõi Đinh Tiên-Hoàng, cùng Bùi Đô dấy quân làm loạn.

Năm Thiên-gia-bảo-hựu thứ 2 (1203) lại có cuộc nổi loạn nữa của người châu Đại-hoàng-Nguyên, bấy giờ Thái-phó-Đàm Dĩ-Mông cầm giữ

trọng quyền trong nước, làm nhiều việc dở. Người châu Đại-hoàng là Phí-Lang, Bảo-Lương làm sứ tâu lên, kể những tội một nước hại dân của Đàm. Đàm Dĩ-Mông giận, bắt bọn ấy đóng nọc ra đánh mỗi người một trận. Bọn Phí-Lang vì thế căm tức. Gặp lúc trăm họ muốn làm loạn cả, tháng 9 năm ấy, bọn Phí-Lang bèn dấy binh ở châu Đại-hoàng. Đàng loạn này thế lực mạnh lắm, không phải như những đàng trên kia triều-đình có thể dẹp yên đi một cách không tốn mấy công. Bởi bấy giờ dân gian đói khát khổ sở, và đều quy oán vào những chính sách bóc lột của đương triều, cho nên một kẻ hô lên, muôn người hưởng ứng. Gia-đĩ bọn Phí-Lang lại là những người có mưu lược, cơ trí, biết cách dùng binh. Triều-đình nghe tin có cuộc biến động này, sai quan Chi-hậu Trần Lệnh-Hình làm chức Nguyên-sứ xuất lĩnh các đạo quân đi đánh, lại sai Thượng-thư Tứ Anh-Nhị đem quân Thanh-hóa, đồng thời tiến ra để hai mặt hợp đánh Phí-Lang. Chẳng ngờ quân của Phí-Lang mạnh mẽ hơn ; đánh nhau ở cửa sông Lô-bố³, quan quân bị thua Trần Lệnh-Hình và Tứ Anh-Nhị đều tử trận cả. Thế giặc nhân thế lại càng lan rộng. Mùa xuân năm sau, triều-đình lại cử đại thần Đỗ-kính-Tu đem quân đi đánh, Kính-Tu cũng thua phải rút quân về.

Năm Trị-bình-long-ứng thứ 3 (1207), lại có cuộc nổi loạn của dân mán núi Tản-viên thuộc châu Quốc-oai, chúng kéo xuống cướp phá miền xuôi, thế lực rất lớn, quân triều không thể chèn chế nổi.

Ấy là chỉ kể ra những đám giặc lớn, ngoài ra lại còn những đám giặc nhỏ mọc lên như nấm, khôn kể hết được.

Chẳng những ở trong nước có nhiều giặc già như vậy, lại còn những kẻ địch ở ngoài nước nữa : Như ở biên thùy phía Nam thì quân Chiêm cướp bóc, biên thùy phía Bắc thì quân Tống lấn tràn. Lệnh bắt những đình tráng sung vào quân ngũ, ban ra luôn luôn ở các lộ, phủ, châu, dân chúng càng khổ và càng làm một nguyên-nhân để cho các đàng giặc thêm đông và mạnh.

Trong khi ấy thì vua Cao-tông làm gì ? Vua vẫn không bỏ những dịp có thể mệnh giá đi du quan, vua vẫn không ngừng những công cuộc xây đền dựng gác. Thường ngày vua cùng các cung nữ đàn ca vui vẻ, sai nhạc-công theo điệu Chiêm-Thành chế ra khúc nhạc gọi là Chiêm-thành-âm. Khúc nhạc này nghe nó ai oán xót thương, khiến người có thể ứa nước mắt khóc được. Tăng-phó là Nguyễn Thường nói chuyện với người ta rằng : « Tôi nghe lời tựa trong kinh Thi bảo âm-nhạc của nước loạn thì oán mà giận. Nay dân loạn nước khốn, chúa-thượng cứ tuần du vô độ, triều chính rối bết, lòng dân xa lìa, ấy là cái điềm bại vong đấy ».

Mà triều Lý quả đã đến lúc sắp bại vong thật. Cái cơ triều Lý bại vong để nhường giang-sơn cho một triều đại mới nó nằm trong cuộc loạn Quách Bốc sau này.

Năm Trị-bình-long-ứng thứ 4 (1208) Phạm Du làm chức quan coi quân ở Nghệ-an, nhân thấy thời cục nhiễu nhiễu, sẵn binh quyền trong tay, nổi lên làm phản, thế là trong nước lại thêm lên một đám giặc nữa. Vua Cao-tông nghe tin giận lắm, sai Phạm Bình-Di là chức quan Thượng-phẩm Phụng-Ngự đem quân Đàng-châu đi đánh Phạm-Du.

Tháng riêng năm thứ 5 (1209) Phạm Bình-Di xuất lĩnh quân châu Đàng, châu Khoái⁴ tiến đánh Phạm-Du. Du bị thua, phải chạy trốn đến châu Hồng⁵. Bình-Di bèn tịch-thu hết sạch của cải nhà Du, còn cái xác nhà thì phóng hỏa đốt cháy. Du căm oán lắm, bèn mật sai người đến kinh, đút lót vàng bạc cho bọn nội quan, để họ nói gièm Bình-Di là trong khi hành quân, tàn sát dữ dội, lại kể lể nỗi oan của mình, xin cho được về kinh đợi tội. Cao-tông tin ngay, liền xuống chỉ triệu Du về kinh. Về đến kinh, Du khóc nói là mình thật không hề phản bậy triều-đình, đó chỉ là tin đồn sai do ở Phạm Bình-Di phao ra, và kể lể Bình-Di đã vợ vệt của mình, đốt phá nhà mình, lại vu cho Bình-Di nhiều sự tàn ngược đối với dân chúng, Cao-tông nghe lời Du, không đợi suy xét, thế là đối với Phạm Bình-Di nổi lòng tức

giận, truyền chỉ đòi lập tức về kinh. Mùa thu tháng 7, Phạm Bình-Di về đến kinh sư, sấp vào bệ kiến thì có người can rằng :

- Phạm-Du hấn về kinh súc siểm với vua, vua đương giận ông, ông không nên vào châu vộì.

Di nói :

- Ta thờ vua hết lòng mà vua lại nghe lời đũa gian tặc nó nói gièm ư ? Huống chi vua có chỉ đòi, ta tránh đấng nào được.

Bình-Di vào, quả nhiên vua sai bắt lấy, và cả con giai là Phụ, đều bị tống giam vào Thủy-viện.

Vì một hành vi vô lý của Cao-tông như vậy mà đã diễn nên một sự-biến tầy giờ.

Nguyên đương khi cha con Bình-Di bị giam và lại có tin nhà vua sắp đem ra hành-hình, bộ-tướng của Bình-Di ở ngoài là bọn Quách Bốc thấy đều tức tối. Quách Bốc dẫn quân hò reo đến cổng thành, định vào cứu thoát cho cha con Bình-Di. Lính canh đóng sập cửa lại để chống giữ. Quách-Bốc chém vỡ cửa mà vào. Vua nghe thấy việc nguy cấp, lập tức sai điệu cha con Bình-Di đến trước tấm đá mát ở thềm Kim-tuynh, đâm chết cả đôi. Bọn Quách-Bốc đổ xô đến nơi, thấy chủ tướng đã bị giết chết, thương xót vô cùng. Họ bèn lấy cỗ xe ngự của vua để chở thầy Bình-Di và lấy chiếc chiếu ngự bọc thầy của Phụ, rồi đo cửa Việt-thành đi ra kéo xuống bến Đông-hộ-đầu. Khi đã làm lễ mai táng cho cha con Bình-Di rất trọng-hậu rồi, Quách-Bốc lại đem quân trở vào thành chiếm đóng.

Bấy giờ Cao-tông đã phải bỏ kinh-thành chạy lên miền sông Quy-hóa (sông Thao), mà Hoàng-thái-tử Sảm thì chạy xuống Hải-ấp, ở kinh đô chỉ còn có hoàng-tử Thầm (con thứ của Cao-Tông). Quách-Bốc lập hoàng-tử Thầm lên làm vua, đại thần như Đàm Dĩ-Mông, Nguyễn Chính-Lại đều lĩnh ngụy-chức của Thầm cả.

Thái-tử đến xóm Lưu-gia ⁶ ở vùng Hải-ấp, nghe người phường chài là Trần lý có cô con gái rất xinh đẹp, bèn lấy làm vợ. Lửa nhân-duyên ấy là cái đầu mối để họ Trần có nước sau này.

II. Họ Trần vào cầm giữ triều-quyền

NGƯỜI phường chài Trần Lý, tiên thế nguyên ở đất Mâu ⁷ bên Tàu. Trần Kinh phiêu bạt sang ta, ngụ tại làng Tức-Mặc ⁸, rồi sinh ra con là Trần-Hấp, Hấp sinh ra Lý. Nhà họ Trần nổi đời làm nghề chài lưới trên sông bể trở nên hào phú, có một số gia thuộc khá nhiều, và đến khi ấy, đã nghiêm nhiên thành nước Nam. Nhân buổi đời nhiều nhương, lại sẵn có gia thuộc trong tay, một đôi khi, Lý cũng làm pha cả nghề giặc cướp. Lý có người con gái, nhan sắc tuyệt đẹp, nức tiếng trong một vùng. Tuy đã có nhiều người ngấp nghé dòm nom, nhưng Trần-nữ chưa bằng lòng lấy ai cả.

Hoàng-thái-tử Sảm năm ấy lên 16 tuổi. Trong khi Quách-Bốc kéo vào thành, Thái-tử tất tả chạy trốn, thành ra bị lạc không theo được vua cha. Mấy kẻ cận thần đưa thái-tử chạy xuống miền xuôi, đến trú chân tại vùng Hải-ấp. Tuy chưa lập phi nhưng ở trong cung, Thái-tử đã sớm ham vui cùng nữ sắc. Nay nhà thôn tránh loạn, không có những mỹ-nữ cung-nga lui tới ở quanh mình như trước, Thái-tử cảm thấy thời khắc thật buồn tẻ nặng nề. Nhân nghe Trần-nữ là một cô gái tuyệt sắc trong một vùng, người khế lén đến dò xem thực hư. Khi đã rõ mặt xuân-phong, thần hồn người như trôi bay đi, lập tức sai sứ đến tỏ bày ý muốn. Trần Lý thấy Hoàng-thái-tử tỏ lòng yêu thương con gái mình, còn ước muốn gì hơn nữa ; hỏi ý con gái thì Trần-nữ cũng bằng lòng ngay. Rồi sau khi cùng Trần-nữ hương lửa bén duyên, Thái-tử trao cho Trần-Lý tước Minh-tự và người cận ruột của Trần-nữ là Tô Trung-Từ làm Điện-tiền chỉ huy-sứ.

Đã đem con gái dâng cho Thái-Tử và đã được Thái-tử ban cho chức tước, cha con anh em họ Trần lúc ấy coi việc nước như là việc nhà. Bởi vậy, nhân thấy trong nước giặc cướp rối ren, Trần Lý bèn chiêu tập thủ-hạ và hương binh, tự mình quản lĩnh và chia sai con cháu như Trần Thừa, Trần Tự-Khanh, Trần Thủ-Độ, mỗi người cầm một cánh quân đi đánh dẹp. Dưới

binh-lực của họ Trần, nhiều đám giặc cướp phải tan vỡ. Họ Trần lại phái người lên sông Quy-Hóa, đón xa-giá Cao-tông trở về miền xuôi, chiêu tập các đạo quân cần vương hợp sức đánh thành, rồi trừ diệt được đảng Quách-Bốc.

Khi đã về triều phục vị, vua Cao-tông hậu ban phẩm tước cho mọi người họ Trần và những ai dự có công lao. Qua năm sau (1210) mùa xuân tháng ba, vua sai chức Thượng-phẩm Phụng-ngự là Đỗ Quảng dẫn một đạo quân đến nhà Tô Trung-Từ đón Thái-Tử trở về kinh sư. Vì xét thấy chưa tiện đem theo ngay cả Trần-thị về, Thái-tử khuyên nàng hãy tạm về ở nhà cha mẹ, đợi sau khi về kinh, sẽ lại liệu sai người xuống đón.

Vì Trần Lý mộ quân đánh giặc giúp cho nhà vua, nên có nhiều đảng giặc thù ghét. Một hôm, trong lúc bất ý, Lý bị một đảng giặc đổ ập đến đánh và giết chết ; từ đấy, do người con thứ hai là Trần Tự-Khánh, thay lĩnh binh-quyền.

*

Mùa đông tháng 10, vua Cao-tông bị đau vời đại-thần là Đỗ Kinh-Du⁹ vào ủy thác việc phụ-lập Thái-tử. ngày 28 vua băng ở cung Thánh-thọ.

Hoàng Thái-tử Sảm lên ngôi ở trước linh cữu, đó là Huệ-tông tôn mẹ là Đàm-thị lên làm Hoàng Thái-hậu cùng cầm quyền chính, và sai quân đem cỗ thuyền rồng đi đón Trần-thị về. Nhưng bấy giờ đương buổi loạn lạc, đường sá khó khăn, nên Trần Tự-Khánh chưa đưa em gái về kinh vội.

Mùa xuân năm Tân-mùi niên hiệu Kiến-gia năm đầu (1211), vua lại sai chức Phụng-ngự là Phạm-Bố đi đón Trần-thị, Trần-thị về cung, vua lập làm Nguyên-phi ; lấy Tô Trung-Từ làm Thái-úy phụ-chính, phong tước Thuận-lưu bá, Trần Tự-Khánh làm Chương-nghĩa-hầu.

Sau đó Tự-Khánh thường có những thái độ chẳng được rõ ràng. Như năm Kiến-gia thứ 3, hắn đem quân đến tận cửa khuyết, đòi rước xa giá đi.

Vua nghi ngờ, truyền các đạo quân bắt TỰ-KHÁNH, giáng nguyên phi xuống làm NGỰ-NỮ.

Năm thứ 4, TỰ-KHÁNH cũng lại có cái cử động như thế, chẳng hiểu là hẳn đòi đón rước xa giá để đưa đi đâu ? Muốn rước vua đi để nhờ uy thanh mà đánh dẹp các đảng loạn chăng, hay là có ý định gì khác ? Có thuyết cho là vì y thấy Thái-hậu ngược đãi TRẦN-THỊ. Vua thấy thế ngờ sợ, phải cùng Thái-hậu và NGỰ-NỮ bỏ kinh-thành tránh lên LẠNG-SƠN. Trong khi ấy, sự đánh dẹp của TRẦN TỰ-KHÁNH, vẫn lập được những công trạng khả quan. Như là bọn ĐINH KHẢ. BÙI-ĐÔ trước làm loạn ở ĐẠI-HOÀNG đã bị đánh tan, nay lại họp đảng nổi lên, liền bị TRẦN TỰ-KHÁNH đem quân đánh vỡ.

Từ khi có những cử động đáng ngờ của TRẦN TỰ-KHÁNH, làm cho xa giá phải long đong đây đó, ĐÀM THÁI-HẬU càng sinh ghét NGỰ-NỮ vô cùng. Thái-hậu thường trở mặt NGỰ-NỮ, nhiech mắng là đồ đảng quân giặc, lại thường bắt vua phải đuổi bỏ. Nhưng vua vì lòng yêu thương quá sâu, nên hết sức che chở NGỰ-NỮ. Có lần Thái-hậu đầu-độc vào món ăn cho NGỰ-NỮ chết, vì vua biết, tránh cho, nên NGỰ-NỮ lại không việc gì. Năm KIẾN-GIA thứ 6 (1216), vua cất NGỰ-NỮ lên làm THUẬN-TRINH phu nhân. Đến sau, vì TỰ-KHÁNH đã đổi lỗi, tỏ ra không có bụng gì khác, vua bèn lại sách phong THUẬN-TRINH phu-nhân lên làm Hoàng hậu ; phong cho TỰ-KHÁNH làm Thái-úy Phụ-chính, TRẦN-THỪA¹⁰ làm Nội-thị Phan-thủ.

Chưa bao lâu, vua phải bệnh trúng phong thuốc thang không khỏi. Thế bệnh mỗi ngày một nặng, rồi có một đôi lúc vua như phát cuồng. Vua bảo là giờ sắp giáng trần, tay vua cầm cái giáo cái mộc, lấy một lá cờ nhỏ cài lên trên đầu, rồi múa mênh ba-hoa từ sáng đến trưa không nghỉ. Có lúc lại uống rượu rồi nằm mê lìm lịm, hàng ngày mới tỉnh. Bao nhiêu chính sự trong nước, luôn mấy năm giờ vua đau yếu, đều phó mặc cho TRẦN TỰ-KHÁNH.

Năm KIẾN-GIA thứ 13 (1223), TRẦN TỰ-KHÁNH mất, vua truy phong cho làm Tiến-quốc đại-vương, lấy TRẦN THỪA thay làm Thái-úy Phụ-chính.

Rồi Huệ-tông bệnh càng dai dẳng, biết khó lòng chữa cho khỏi được.

Nghĩ đến việc nối dõi thì trong cung sinh toàn con gái : Chính-cung hoàng-hậu Trần-thị sinh hai lần thì là hai công-chúa Thuận-Thiên và Chiêu-Thánh ; còn những cung-nhân khác dù có sinh dục, nhưng cũng đều không phải hoàng nam. Vì lòng quý yêu Trần-hậu, vua muốn để hậu được hưởng hết sự tôn vinh, vậy không có giai thì dùng gái chứ không muốn đem ngôi báu nhường cho một người tôn-thất khác. Năm Kiến-gia thứ 14 (1224), mùa đông tháng 10, vua bèn xuống chiếu lập con gái thứ là Chiêu-Thánh công-chúa mới lên 7 tuổi làm Hoàng Thái-tử, bởi bấy giờ con gái nhớn là Thuận-Thiên công-chúa đã gả cho con giai cả Trần-Thừa là Trần-Liễu rồi.

Thái-tử đã lập, Huệ-tông nghĩ đến việc nhường ngai-vàng cho để mình tiện xuất-gia đầu phật. Triều nhà Lý vẫn là một triều sùng thượng đạo Phật, chùa chiền dựng lên khắp nước. Sống ở trong cái không khí ấy, Huệ-tông nghĩ mình đau yếu lâu năm như vậy, hoặc giả vì một mối tức-trái tiền-oán gì đó, muốn gột rửa, phải nhờ đến giọt nước cành dương. Huống chi quốc-chính, nay đã ủy cậy được anh em Hoàng-hậu trông nom ; mà Thái-tử chính là con hậu sinh ra, vậy sau khi nối ngôi, càng được những người ngoại-thích ấy hết lòng phù tá. Huệ-tông bấy giờ nhu-họa tối-tăm, chỉ nghĩ được một đoạn ngắn ngủi như thế, nào có biết lo xa tính-rộng đến cái đại kế của xã tắc sơn hà.

Đó rồi Huệ-tông nhường ngôi cho Thái-tử lên thay, mình thì xuất gia tu ở chùa Chân-giáo, một ngôi chùa ở trong Đại-nội, do vua Thái-tổ bản-triều xây dựng. Thái-tử Chiêu-Thánh lên ngôi, đổi năm Kiến-gia thứ 14 làm năm Thiên-chương-hữu-đạo năm đầu, quần thần dâng tôn hiệu gọi là Chiêu-hoàng.

III. Trần Thủ-Độ trước cái ngói báu chông chên của họ Lý

CHIÊU-HOÀNG lên ngôi, vẫn do Trần Thừa làm Thái-úy Phụ-chính, còn về binh quyền thì do Điện-tiền Chi-huy-sứ là Trần Thủ-Độ quản lĩnh.

Trần Thủ-Độ sinh năm giáp-dần (1194) niên hiệu Thiên-tử-gia-thụy đời Lý Cao-tông năm thứ 9, tức là sinh cùng một năm với vua Lý Huệ-tông. Thân-phụ Thủ-Độ chưa rõ tên là gì, là em ruột của Trần Lý. Bồ cô cha sớm, Thủ-Độ ở với người anh là An-Quốc, vẫn được bá-phụ Trần Lý săn sóc trông nom cho. Thừa nhỏ tuy có cặp sách đi học, nhưng chữ nghĩa chẳng được bao nhiêu ; gặp thời đại nhiễu nhương, bèn cũng tập luyện qua loa một vài miếng võ. Tuy không có mấy học vấn, nhưng về đảm lược và cơ-trí thì không ai theo kịp. Lại thêm có tính quá đoán, xử lý việc gì cũng cương quyết gọn gàng. Và rất thẳng thắn, làm việc ít khi chịu để cho tình-cảm sai khiến. Thừa còn Trần-Lý, Lý thường nói : Trong số những con cháu của ta, có Thủ-Độ sau này có thể trở nên bậc người anh kiệt, làm rạng rỡ cho môn đình được ; chỉ phải cái tính cương-đoán quá, sẽ không khỏi có những việc làm tàn nhẫn, Thủ-Độ cũng nên uốn nắn tính ấy đi. Trần Lý khi đã dâng con gái cho Hoàng-tử Sảm, chiêu mộ binh dũng để đánh giặc giúp Triều-đình, giao cho Thủ-Độ cầm một cánh quân ; Thủ-Độ đem quân đi đến đâu, vì có những mưu lược khôn ngoan, nên thường phá vỡ được quân giặc đến đấy. Ban đầu Thủ-Độ còn lĩnh một võ chức bậc thấp, nhưng rồi vì lập được quân-công, lại là người quốc thích, nên được cất nhắc lên rất mau. Cuối đời Kiến-gia, Thủ-Độ đã làm đến Điện-tiền Chi-huy-sứ, quản lĩnh các đạo quân hộ vệ cấm đình và phòng thủ kinh thành. Trần Thừa khi ấy tuy làm Thái-úy Phụ-chính nhưng người thuần phác và thiếu tài kinh-luân, mọi việc đều phải bàn tính với Thủ-Độ và phần nhiều do Thủ-Độ tài-quyết.

Sau khi Lý Huệ-tông nhường ngôi báu cho Chiêu-hoàng mà ra tu ở chùa Chân-giáo, Thủ-Độ nhìn cái sơn-hà xã-tắc của nhà họ Lý lúc ấy, có cái cảm tưởng rằng nó là một tấm áo rách... Khắp cả bốn phương, giặc-giã nổi lên như đàn ong : Phương Tây thì cuộc nhiễu loạn của những dân mán Quảng-oai và Tản-viên, phương Đông thì Đoàn Thượng chiếm cứ ở Hồng châu, phương Bắc thì Nguyễn Nộn xưng hùng ở Bắc-giang, phương Nam thì trong có đám giặc Đại-hoàng, ngoài có Chiên-thành Chân-lạp luôn luôn vào cướp. Ấy là cử ra những đám lớn, còn những đám nhỏ khác chưa kể. Trong khi đất nước phân băng như vậy, nếu Lý Huệ-tông còn nghĩ đến xã-tắc sơn-hà, tất phải sớm áo muện cơm¹¹, cùng với các triều-thần lo mưu tính kế, làm sao để quét thanh nhiễu loạn, trấn áp ngoại xâm, đưa dân lên chỗ chiếu giường, đặt nước vào nền bàn thái¹². Nếu bảo là đau yếu không kham nổi việc thì vua phải kén lấy một người tài đức ở trong hoàng-phái truyền ngôi và giao trọng trách cho, rồi vua vẫn ở trong cung, hợp sức mà kinh kỳ việc nước, kỳ cho đến lúc nước được trị bình. Như thế mới là phải lẽ chứ. Đấng này, đương lúc tình hình quốc-gia như vậy, vua lại nhường ngôi cho một người con gái mới lên 7 tuổi, rồi bỏ đi ở chùa... Thủ-Độ đã từng khi nghĩ đến chính mình, cho là trước một cái giang-sơn rách nát thế này, họa chẳng chỉ có mình đủ tài vá víu. Tuy nhiên, chính mình sẽ chiếm ngôi của Chiêu-hoàng chẳng ? Thủ-Độ không bao giờ muốn làm cái việc như vậy. Bởi nghĩ Chiêu-hoàng là con người chị họ mình là Trần-hậu và là cháu ruột của Thái-úy Trần Thừa. Nếu mình làm việc chiếm đoạt ấy thì Trần-hậu và Trần-Thừa tất nhiên bênh vực Chiêu-hoàng, người trong một nhà sẽ vác giáo đâm nhau, không còn có đạo lý gì nữa. Song nghĩ đến sự đem mình ra một pháo xông lên, đánh đông dẹp bắc, và tận trung kiệt thánh thờ cô gái bé mà chính ở mình cô đã phục sẵn cái mầm tranh đoạt, Thủ-Độ thấy chán nản không biết chừng nào. Dù vậy, những điều nghĩ riêng này, vẫn giữ kín không nói cho người nào biết.

Tình cờ một hôm, hôm đó là ngày tháng 10 năm Thiên-chương hữu-đạo thứ 2 (1225), Trần Bồ là con giai Trần-Thừa và là cháu gọi Thủ-Độ bằng chú họ, làm chức Chánh-thủ, châu hầu Chiêu-hoàng ở trong cung, về kể một câu chuyện rất là quan hệ.

Nguyên bấy giờ Chiêu-hoàng còn nhỏ, Trần-hậu tuyển lấy, những con cháu bên ngoài nhà mình, vào cung sung các chức thị tụng, đều ưa những người còn nhỏ tuổi, để tiện lúc chơi vui gần gũi vua bà. Bởi thế mà Trần-bất-Cập thì thụ chức Chi-hậu Lục-cục, Trần-Thiên thì làm trưởng cục Chi-ứng, đều là cháu gọi Thủ-Độ bằng chú ruột : Trần-Bồ thì làm chức Chánh-thủ cục Chi-hậu, con giai thứ hai của Trần-Thừa. Trần-Bồ năm ấy mới lên 8 tuổi, cũng cùng một tuổi với Chiêu-hoàng, từ khi lĩnh chức trong cung, vẫn giữ việc châu chực ở bên ngoài điện. Một hôm nhân đến lượt vào hầu hạ Chiêu-hoàng rửa mặt, nữ chúa trông thấy người khôi ngô tuấn tú sinh lòng mến yêu. Sau đó thường đêm, nữ chúa sai vời Bồ vào điện chơi đùa, Bồ đứng ở chỗ tối, chúa đú đờn chạy đến chòng ghẹo rồi hoặc giăng mọn tóc, hoặc giẫm vào bóng. Một hôm khác, Bồ bưng chậu nước đứng hầu rửa ; chúa rửa xong, té nước ướt đầy cả mặt Bồ rồi khúc khích cười. Đến lúc Bồ dùng cái khăn tay, chúa cầm ném vào Bồ mà bảo *cho đấy*. Bồ không biết nói gì cả, về nhà thuật chuyện lại với chú là Trần-Thủ-Độ.

Những cái cử động ấy của bà nữ-chúa Hoàng, có lẽ chỉ là trò chơi nghịch của trẻ. Trần Bồ là người kháu khỉnh, đã khiến Chiêu-Hoàng phải mến yêu mà quyến luyến với. Sự quyến luyến đó, chỉ là trò trẻ nhỏ ưa nhau, chứ đôi trẻ mới lên 8 tuổi, phỏng đã biết gì là cái tình trai gái yêu thương. Song khi câu chuyện ấy đến tai Thủ-Độ, thì đã khiến đầu óc Thủ-Độ tráo lộn rất nhiều, trong bộ óc ấy, đã nảy ra những cái ý tưởng có thể xoay chuyển cả thời cục. Ông lẩm bẩm tự nói một mình :

- Nếu quả có sự như thế thì hay đấy ! Nhà mình một là trở nên hoàng tộc chẳng ? hai là trở nên xích tộc chẳng ?

Hoàng-tộc là họ nhà vua, còn xích tộc nghĩa là bị giết nhẵn nhụi cả họ. Ông đem hai chữ *Hoàng* và *xích* chọi tiếng với nhau để chỉ hai cái phúc to và họa lớn. Bởi nghe câu chuyện Trần Bồ kể ông liền nghĩ ngay đến việc xe buộc mỗi duyên cho đôi trai gái ấy, rồi sẽ thu xếp để bà nữ chúa tỳ hon kia nhường ngôi cho chồng. Nếu mà việc ấy làm thành thì đế-nghiệp họ Trần mình sẽ xây dựng nên một cách dễ dàng. Nhưng biết đâu, nếu lỡ ra dở dang không thành, thì cả họ nhà mình, có thể bị chu diệt. Tuy nghĩ thế nhưng ông tin ở cái tài lược trong tay ông lắm, việc tất phải thành nếu một khi ông đã quyết làm. Ông bèn bảo với Trần-Bồ rằng :

- Thế là chúa-thượng yêu thương cháu lắm đấy. Nếu bạn sau chúa-thượng có ném khăn cho, cháu phải quỳ xuống mà nói xin nhận lĩnh, biết không ? Nhưng mà này, những việc ở trong cung như thế, cháu phải giữ kín lắm mới được, chớ nói hớ ra với ai cả, vì nói hớ ra thì tai vạ không phải là nhỏ ; trừ ra chỉ về đây nói cho chú biết mà thôi.

Trần Bồ vâng lời, lại vào cung châu hầu như cũ.

Tối hôm ấy, Trần Thủ-Độ đến dinh Thái-úy Trần Thừa, đem cái việc ở trong cung và cả ý định của mình, nói cho Trần Thừa biết. Thấy Trần Thừa tỏ ra phân-vân ngần-ngại Thủ-Độ nói :

- Em xem khí vận nhà Lý đã đến lúc hết cho nên mấy chục năm nay, thiên hạ mới rối loạn như vậy, và vua Kiến-gia mới sinh ra bệnh tật rồi bỏ nước cho vị nữ chúa bé dại mà đi ở chùa. Họ Trần ta từ khi Nương nương tiến cung rồi bá phụ nổi quân cần vương, cho đến anh em mình bây giờ, đã từng giúp cho triều Lý khá nhiều công trạng. Cũng tưởng triều Lý sẽ trung hưng lên. Không ngờ mệnh giới như đã chán bỏ, nên giặc cướp bốn phương cứ nổi tiếp mà nổi lên mãi, nhân dân đã chịu nhiều cái khổ loạn lạc lắm rồi. Ngày nay nếu không có vì vua chân mệnh bước lên ngự trị ngai vàng, để trên dẹp những sự dòm ngó của quần hùng, dưới buộc được lòng ngóng

trông của trăm họ, thì cuộc loạn còn cứ kéo dài ra mãi mà thế nước điêu nguy, chưa biết đâu mà tưởng tượng được.

Trần Thừa nói :

- Hiền-đệ nói cũng có lý, nhưng vì vua chân mệnh, có phải tức là Trần Bồ không ? Huống chi chúng ta đối với Thái-thượng-hoàng hậu và Chiêu-hoàng là chỗ họ ngoại chí thân, nếu nay làm cái việc tranh đoạt như vậy, tôi e chẳng khỏi mang tiếng với thiên-hạ hậu-thế.

Thủ-Độ chau đôi mày lại, làm cho những nếp nhăn cương quyết trên vầng trán rộng càng tỏ rõ thêm :

- Tôi xin trả lời anh về hai điều đó. Trước hết là Trần Bồ, người con thứ hai của anh rất có thể là một vị vua chân mệnh. Tôi tuy không phải là thầy tướng sành sỏi, nhưng xem diện mạo hăn, mũi cao và hai gò má trội, chính đúng với tướng mạo vua Hán Cao-tổ mà trong Hán-sử đã tả là long-chuẩn long nhan. Hăn lại có những cái đức tính rộng rãi và biết thương người, rất có khí độ của một vị thái bình thiên-tử.

Thủ-Độ không hăn là tin về tướng mạo như thế, nhưng ông cốt nói để cho Trần Thừa phải chuyển lòng. Trong lúc cao hứng, ông nói hơi to tiếng. Trần Thừa vội bưng lấy miệng mà khẽ bảo :

- Chết chết ! Hiền-đệ nói khẽ tiếng chứ kéo nhỡ ra tai vách mạch rừng thì làm thế nào ?

Thủ-Độ bèn hạ thấp tiếng xuống :

- Ấy về tướng mạo và đức tính, Trần Bồ đã có những đặc điểm ấy ; huống nay lại có việc nữ-chúa tỏ tình mến yêu như vậy, đủ tin rằng mệnh lớn của giới muốn trao gửi vào con người này. Còn đến cái điều thứ hai, anh ngại nếu làm việc ấy, chẳng khỏi mang tiếng với thiên hạ, đời sau. Nhưng tôi tưởng điều e ngại ấy, chỉ nên dành cho bọn hủ nho. Chứ còn chúng ta là những người đứng ra gánh vác việc đời, ta chỉ biết nhìn vào những điều lợi

hại hiện tại cho nhà cho nước, chứ không thể sợ đầu sợ đuôi mà bỏ uổng mất những công việc lớn đáng làm được. Nhân ở việc người mà dò xét ý giời, quả rằng mệnh giời muốn trao về họ Trần ta đây. Chỉ có họ Trần lên thay ngôi họ Lý, mới đủ cứu vớt được vận suy vi của nước Việt lúc này. Giời cho mà không lấy, sẽ lại phải chịu tai ương, xin đại huynh nên nghĩ kỹ.

Im lặng một lúc, Trần-Thừa bảo Thủ-Độ :

- Thế thì mọi việc đều tùy ở chú liệu định cả, làm sao cho thành sự thì làm. Hóa nhà làm nước là ở chuyển này, hay đến phải diệt tộc, cũng ở một chuyển này đó.

IV. Trần thay ngôi Lý

KHÔNG biết có nên đổ tại ý giờ muốn đổi vận Lý sang vận Trần để mở cho nước ta một thời kỳ mới hay không, sao nữ chúa Chiêu-Hoàng bé dại thơ ngây, khéo quyến luyến Trần-Bồ đến thế ? Một hôm Chiêu-hoàng lại đùa ném vào Bồ chiếc khăn đấm nước. Bồ vội phục xuống lạy :

- Chẳng hay bệ hạ có xá tội cho thần không ? Ngài đã ban vật này cho thần, thần xin vâng mệnh.

Nữ-chúa vui cười :

- À, ta sẵn lòng tha tội cho ngươi. Giờ ngươi lém lầu khôn ngoan rồi đấy.

Rồi nữ-chúa nhìn Bồ một cách tươi vui âu yếm.

Câu chuyện ấy, Trần Bồ lại đem về thuật với Thủ-Độ, giữa lúc Thủ-Độ đương trù tính việc này rất gấp. Cho là không nên để lâu nữa, lỡ ra tiết lộ thì nguy hiểm lắm, Thủ-Độ quyết định là đại-sự phải thi hành ngay. Ngay tối hôm ấy, Thủ-Độ truyền lệnh đóng các cổng thành cùng cả các cửa trại quân, và chỉ được mở khi nào có tướng lệnh ban xuống. Buổi sáng hôm sau trăm quan vào châu, nhưng cổng thành đóng chặt không thể vào được. Thủ-Độ đứng trên môn-lâu nói xuống rằng :

- Bệ-hạ còn có việc lấy chồng, vậy trăm quan hãy trở lại nhà.

Trăm quan nhiều người phải ngạc nhiên, vì không biết nữ-chúa lấy ai mà trước đây lại chẳng có dự định gì cả. Tôn-thất nhà Lý có nhiều người nghi hoặc lo lắng, đoán là có lẽ ở trong hoàng-thành đã xảy ra một cuộc biến lớn hoặc giả chính Trần Thủ-Độ định làm sự tiếm ngôi cũng chưa biết chừng. Khốn vì không ai có trong tay một tấc sắt hay một tên quân, lại cũng không có một cái gan liều chết, nên đều im lặng trước nghiêm-uy của Chi-huy-sứ Trần Thủ-Độ. Nhưng về đến nhà, có nhiều người biết cơ mà phải

cao bay xa chạy, có người chạy sang theo Nguyễn Nộn ở Bắc, có người lén xuống đầu Đoàn Thượng ở Đông. Tuy nhiên cũng có những viên quan vốn là chân tay nanh chốt của họ Trần, nay thấy việc ấy, chỉ bình tĩnh chờ xem chính-cục xoay giở ở trên bàn tay Trần Thủ-Độ.

Qua mấy ngày trong ngoài hồi hộp chờ nghe tin tức, chờ xem một việc biến đổi lớn có thể đã diễn ra ở trong Cấm-thành, chợt có chỉ của Chiêu-hoàng truyền ra, vờ các quan đến ngày 21 tháng mười (Ất Dậu 1225), vào triều bái hạ. Đến ngày, những quan viên còn lại ở kinh đều vào triều đông đủ. Trên bệ ngọc ban xuống một tờ chiếu rằng :

« Tự cổ Nam-Việt đế vương trị thiên hạ giả hữu hỹ Duy ngã Lý thụ thiên quyền mệnh, yêm hữu, tứ hải, Liệt Thánh lương thừa, nhị bách dư niên. Nại dĩ Thượng-hoàng anh tậ, thừa thống vô nhân, quốc thế khuynh nguy, mệnh trẫm thụ minh chiếu, miễn cưỡng tức vị, tự cổ dĩ lai, vị chi hữu dã. Ta trẫm duy vị nữ chúa, tài đức câu khuynh, phụ bất vô nhân, đạo tặc phong khởi, an khả bình trì thần khí chi thái trọng. Trẫm túc hưng dạ my, duy khủng nan kham, mỗi niệm cầu hiền lương quân tử, đồng phụ chính trị, túc dạ quyền quyền, ư tu cực hỹ. Thi viết : « Quân-tử hảo câu... Cầu chi bất đắc, mục my tư phục ». Kim trẫm phản phúc độc toán, duy đắc Trần-Bồ, văn chất bản bản, thành hiền nhân quân tử chi thể, uy nghi ức ức, hữu thánh thần văn võ chi-tư, tuy Hán Cao, Đường Thái vị chi năng quá Tường thực thần hôn, nghiệm chi hữu tố : khả tổn đại vị, dĩ úy thiên tâm, dĩ phó trẫm hoài. Thứ khả đồng tâm lục lực, cộng phù quốc lộ, dĩ hưởng thái bình chí phúc. Bối cáo thiên hạ, hàm sử văn tri ».

LỜI CHIẾU NGHĨA LÀ :

« Từ xưa nước Nam-Việt, đế vương trị thiên hạ vẫn đã từng có. Duy triều Lý ta ơn giới quyền cố, khắp có bốn bể. Liệt Thánh truyền nối, hơn hai trăm năm. Không may vì gần đây, Thượng-hoàng mắc bệnh, kế thống không người, thế nước ngựa nghiêng. Sai trẫm nhận tờ minh chiếu miễn

cưỡng lên ngôi, từ xưa đến nay, thật chưa có vậy. Than ôi, trẫm là một vị nữ-chúa, tài đức chẳng có, giúp giáp thiếu người, giặc cướp nổi lên như ong, sao nên cầm giữ mãi đồ thần là vật rất trọng. Trẫm khuya năm sớm dậy, chỉ lo mình không gánh vác nổi, từng muốn tìm bậc hiền-lương quân tử, cùng giúp chính-trị, đêm ngày bứt rứt, biết đến chùng nào ! Kinh thi có câu : « Tìm người quân tử đẹp đôi... Tìm mà chẳng được, thức ngủ trăn trọc ! » Nay trẫm suy đi nghĩ lại, chỉ được Trần Bồ là một người văn chất rặng rờ, có phong thể quân-tử hiền-nhân, dáng điệu khoan hòa, có tư cách thánh thần văn-võ, tuy Cao-tổ nhà Hán, Thái-tông nhà Đường cũng chưa thể hơn được. Đêm ngày nghĩ mãi, xét nghiệm đã tường, vậy nay nên nhường ngôi lớn để yên úy lòng giời, để xứng thỏa bụng trẫm, ngô hầu cùng lòng gắng sức, cùng giúp cơ đồ của nước để hưởng cái phúc thái bình. Bối cáo thiên hạ, ai nấy đều biết ».

Lời chiếu tuyên xong, trẫm quan đều cúi đầu nghe mệnh, không có một lời phản đối nào thốt ra ở dưới thềm rồng cả. Sự đó phần nhiều bởi sợ uy của Trần Thủ-Độ, vì quan Điện tiền Chỉ huy sứ lúc ấy đương mặc bộ võ phục màu tía, lưng đeo bảo kiếm, đứng chăm chăm ở trên thềm điện Thiên-an, mà hai bên hành lang, cả một vệ quân Phụng-quốc ai nấy đều đeo gươm đứng dàn hay dầy. Nhưng cũng còn có một phần vì vua Lý bấy giờ là cô con gái bé dại, người ta thấy đó là một biến-tượng trên lịch-sử, nên lòng tôn-đối đã phai nhạt đi nhiều. Lòng tôn-đối phai nhạt đi, nên nay trước sự thay đổi ấy, người ta không sững-sốt kinh-hoàng cho lắm.

Sau buổi chiều hôm ấy, Thủ-Độ biết việc lớn có thể thành được, bèn một mặt nghiêm-mật thêm công việc phòng-vệ, từ kinh thành Thăng-long ra đến các phủ các lộ ; một mặt sai người sửa sang cung điện, sắm sửa nghi lễ, kén lấy ngày 21 tháng chạp, sẽ cử hành lễ nhường ngôi. Đến ngày ấy, tại điện Thiên-an mở một phiên đại-triều, Chiêu-hoàng đội mũ miện, bận long cổn, ngự trên bảo-sàng, trẫm quan đều mặc đồ triều phục sắp hàng ở trước sân làm lễ triều bái. Đoạn rồi Chiêu-hoàng từ trên bảo-sàng bước xuống trút

bỏ áo mũ, khuyên mời Trần Bồ bện vào để thay mình lên ngôi. Trần Bồ nói khiêm nhượng mấy lời, nhưng rồi được Chiêu-hoàng cố ép và đội mũ khoác áo vào cho, lúc ấy mới bước lên bảo-sàng, chính ngôi hoàng-đế. Dưới sân rồng, tiếng *vạn tuế* hô lên rầm rĩ, làm át cả những tiếng nhã nhạc nổi dậy ở hai bên hành lang, Tân-hoàng lên ngôi, lấy ngay năm ấy làm niên hiệu Kiến-trung năm đầu tuy chỉ còn có mấy ngày thì hết năm, và lấy chữ *Cảnh* làm ngự-danh, thay cho chữ Bồ ngày trước.

Thế là ngai vàng của nhà Lý đã chuyển sang nhà Trần một cách êm-đềm khôn-khéo không phải tốn hao một giọt máu như ta thường thấy ở mọi cuộc thay triều đổi họ khác. Thần dân trong nước được tin này, tuy cũng có nhiều người nhớ tiếc triều Lý, nhớ tiếc những công và ân-trạch của liệt đế hồi trước, nhưng đối trước cuộc nhiễu nhương hàng mấy chục năm liên hồi ấy, họ cũng cho rằng có lẽ khí số nhà Lý đã đến lúc hết rồi. Nhất là những người hay tin diềm triệu, họ lại đem tán bài thơ ở trong một câu truyện truyền thuyết rồi bảo là triều Lý mất là tự ý giới. Nguyên đời ấy vẫn có câu chuyện truyền-thuyết thế này :

« Lý Thái Tổ khi mới lấy được thiên hạ xa giá ngự chơi chùa Phù-đồng. Có vị thần nhân đề bốn câu thơ ở cột chùa như sau :

Nhất bát công đức thủy

Tùy duyên hóa thế gian

Quang quang trùng u chúc

Một ảnh nhật đăng san.

Nhà sư trụ-trì chép bài thơ dâng lên vua coi thì vua nói : Việc của quý thần, khó lòng mà hiểu được. »

Từ đây người ta truyền tụng câu chuyện lấy bài thơ đó, nhưng không hiểu rõ được nghĩa thế nào. Đến nay có người mới tán ra : câu cuối *một ảnh nhật đăng san* nghĩa là mặt giới lên núi thì chìm ngập bóng sáng, ý bảo đến

đời vua Huệ-tông thì nhà Lý mất. Bởi tên vua Huệ-tông là *Sâm*, chữ *sâm* nửa trên là chữ *nhật* (mặt trời) mà nửa dưới là chữ *sơn* (núi) vậy.

Những sự tin tưởng của dân gian về điềm triệu, sấm truyền như thế, không mấy đời là không có ; nhất là đời xưa dân-trí chưa khai-phát, sự tin tưởng vẫn vơ lại càng mạnh hơn. Bởi vậy một đôi khi những vị anh-hùng kinh-doanh thiên-hạ thường lợi dụng lòng tin-tưởng ấy, tạo ra điềm triệu này khác để đưa quần chúng đi theo cái ý muốn của mình.

V. Rõ cỏ rõ tận rể

TRẦN CẢNH lên thay ngôi nhà Lý, đó tức là vua Trần Thái-tông. Tuổi mới lên tám, cố nhiên vua chưa thể xử đoán gì được những công việc quốc-gia, bởi vậy đều do Thái-sư Thượng-phụ Trần Thủ-Độ thống lý tất. Bấy giờ giặc giã như ong, cỡi bờ tan nát, lại nhân việc thay triều đổi họ, nhiều đảng loạn mượn cái danh nghĩa *hưng Lý* để hiệu triệu thiên-hạ, nên thế giặc lại càng mạnh hơn. Nhất là hai đảng Đoàn Thượng ở Hồng-châu, Nguyễn Nộn ở Bắc-giang, càng đáng cho cái triều-đình mới lập ở Thăng-long phải lo tính, quên ăn bỏ ngủ. Trước tình thế nghiêm trọng, Thủ-Độ xét mình không thể phân thân mà đương lấy cả hai việc : trong lo chính trị và ngoài lo chinh phạt. Bèn đem công việc trong triều ủy cậy Thánh-phụ Trần Thừa quyền nhiếp, còn mình chỉ chuyên lo vào việc bắc phạt đông chinh.

Bà vua cũ của nhà Lý, Chiêu-hoàng nữ chúa, được sách lập làm hoàng-hậu của Trần Thái-Tông, đổi hiệu là Chiêu-thánh.

Chỉ thương hại cho Lý Huệ-tông, bấy giờ đương gõ mõ tụng kinh ở chùa Chân-giáo, nghe được tin biến, lòng vua đau đớn biết chừng nào. Đến giờ vua mới biết hối hận, mình đã hững-hờ lơ-đãng với cái cơ-nghiệp lớn lao của Tổ-Tông mấy đời để cho, mình đã quá tin bọn ngoại-thích họ Trần, khiến nên tu-hú được dễ dàng chiếm tổ bồ-các, bây giờ thì còn cứu-vãn lại làm sao được nữa. Vua lại nghĩ rồi đây đến ngày thác hóa, còn mặt mũi nào trông thấy Liệt Tiên-đế ở dưới suối vàng. Huệ-tông càng đau đớn hơn nữa khi nhận được sắc-mệnh tân-triều, tước bỏ cái tôn-hiệu Thượng-hoàng của mình mà phong là Huệ-quang đại-sư, ép mình phải thiên đến ở chùa Hưng-giáo. Sự nhục-nhã đó, Huệ-tông cho là tự mình chuốc lấy, cho là chỉ vì mối duyên Hải-ấp cả, chẳng còn nên oán giời trách người gì nữa, đành chỉ âm thầm chịu lấy để cho xứng đáng với những cái tội lỗi gây nên của mình. Và dù không chịu thì vị sư già ấy còn có thể làm gì được chẳng ? Trong tay duy

một chiếc dù mỡ, dưới trướng có vài tên tiêu đồng, lại thêm tật bệnh kèm theo, còn làm thế nào để xây dựng lại được miếu xã nhà Lý ?

Tuy nhiên, trước con mắt của Trần Thủ-Độ, Lý Huệ-tông còn, là một điều đáng lo ngại cho cơ-nghiệp nhà Trần mới dựng. Biết đâu ông vua thất thế ấy, chẳng có thể lén đi rồi nhập vào với các đảng loạn, nhân cái địa-vị cũ của mình, đứng lên hiệu triệu thiên hạ để mưu khôi-phục lại cơ đồ. Bởi vậy, Thủ-Độ sai coi giữ Huệ-tông rất nghiêm, cấm không cho ai đến giao thiệp với nhà vua, dù là Huệ Hậu. Mà thực ra, Huệ-hậu cũng không mặt nào trông thấy nhà vua nữa, vì hậu đã ngấm ngấm cũng lũ anh em con cháu, làm cho cơ nghiệp nhà Lý phải đổ nhào.

Một hôm, Huệ-tông đi ra chơi chợ Cửa-Đông với bộ y phục của một vị thuyền-sư. Trăm họ đổ xô nhau theo xem, có người thương vua đến nỗi khóc rưng rức. Nghe tin ấy, Thủ-Độ sợ lòng người nhớ cũ thương xưa, có thể sinh biến, bèn lại thiên vua vào ở chùa Chân-giáo như trước. Chân giáo là tòa chùa ở trong Đại-nội ; bề ngoài Thủ-Độ nói là rước vua về đây cho tiện việc thờ phụng, kỳ thực là để giữ gìn được cẩn thận hơn. Ta không nên trách cái cử-động ấy đối với Lý Huệ-tông, cũng là cái cử-động không thể tránh khỏi, cái cử-động tỏ ra là người sáng suốt đã liệu sự một cách chu đáo, biết phòng ngừa việc biến từ khi chưa nảy mầm lên được.

Song sự phòng giữ Lý Huệ-tông dầu đã cẩn thận, mà Thủ-Độ, vẫn chưa yên dạ. Trong thâm-tâm của Thủ-Độ nghĩ chỉ có cách làm sao cho ông vua Lý ấy chết đi, thì mới tắt hẳn được cái mầm họa biến bất ngờ. Nhưng biết làm sao để ông vua cũ triều Lý ấy về *chầu giời phật* được bây giờ ? Tuy mang ở trên mình bao nhiêu bệnh tật, nhưng mấy năm nay, Huệ-tông vẫn sống được dai dẳng như thường, mà hình như mỗi ngày lại được khá mạnh hơn trước. Thế thì không thể trông bệnh tật nó sẽ rước vị Hòa-thượng ấy, sớm về cõi Tây-phương cực lạc.

Thủ-Độ đã từng khi thoáng hiện trong đầu cái ý nghĩ thí-nghịch, nhưng cho như thế là điều tàn nhẫn quá, nên lại vội xóa nhòa ý nghĩ ấy đi. rồi trong những lúc đem quân đi chinh phạt bốn phương, Thủ-Độ lúc nào cũng lo ngay ngáy về cái mầm vạ ở kinh thành tưởng chừng như nó sẽ bùng lên lúc nào không biết. Vì sự lo xa ấy, Thủ-Độ đã có lúc tắc lưỡi mà nói : « Thà ta phụ người, còn hơn là người phụ ta ». Một lần về kinh, nhân đi qua cửa chùa Chân giáo, thấy Lý Huệ-tông đương ngồi xõm trong sân rổ cỏ. Nhân có cảm xúc, Thủ-Độ nói một câu băng-quơ :

- Rổ cỏ thì phải rổ cho đến tận rễ.

Huệ-tông lạnh trí, hiểu ngay được tâm-lý của câu nói ấy, liền đứng vùng dậy, phất tay áo nói rằng :

- Lời nhà người nói, ta đã hiểu suốt rồi.

Thủ-Độ cứ yên lặng mà đi, không nói gì cả.

Đến ngày mồng 10 tháng 8 năm Kiến-trung thứ 2 (1226), không hiểu Thủ-Độ bụng tính thế nào, sai người bày biện hương hoa ở trong dinh của mình, rồi bảo đi mời Huệ-quang đại-sư đến. Lúc ấy Huệ-tông đương ngồi tụng kinh ở trước tòa Tam-bảo thấy có người đến thưa :

- Bạch Đại-sư, quan Thái-sư sai chúng tôi đến phụng thỉnh !

Huệ-tông quay ra nhìn sai-nhân, im lặng một lát rồi nói :

- Trần Thủ-Độ định mời ta để làm gì ? Thôi ta biết rồi ! Để ta tụng xong quyển kinh này rồi sẽ tự tận, khiến hãn khỏi vì ta mà thắc mắc mãi.

Rồi khi đã đọc tụng hết bản kinh dở, vua đứng dậy đi vào tẩm-phòng, lẩm nhẩm khấn nguyện :

« Thiên hạ của nhà ta đã về tay mày, vậy mà mày còn nỡ giết ta. Ngày nay ta chết, ngày sau con cháu nhà chúng mày cũng sẽ như thế. »

Khẩn xong, vua lấy một dải lụa, ra treo mình tự ải ở cái vườn chùa đằng sau.

Nghe được tin ấy, Thủ-Độ chẳng khỏi buồn thương, nhưng cũng rất mừng là Thượng-hoàng nhà Lý đã tránh cho mình được khỏi nhúng tay vào một việc bạc-ác, khỏi mang tiếng làm việc thí nghịch.

Vì nghĩ là Huệ-tông tự ý sát thân nên Thủ-Độ cho là mình có thể tránh được tai tiếng. Kỳ thực thì cái tội thí nghịch, sử sách và công luận nghìn thu, người ta vẫn cứ đổ vào đầu Thủ-Độ như thường. Bởi tuy Thủ-Độ chưa nhúng tay làm cái việc đại-ác này, nhưng vì ông đã có rắp tâm, đã biểu lộ ra một câu nói *rõ cỏ tận rễ*, nên mới đưa Thượng-hoàng nhà Lý đến cái bước ấy. Cho nên trách nhiệm về cái chết của Lý Huệ-tông, người ta đổ vào ông tất cả.

Thủ-Độ sai các quan đến làm lễ khóc viếng, rồi đục một cái cổng ở bức tường thành phía nam ¹³ để đưa linh cữu ra, đem lên phường Yên-hoa ¹⁴ thiêu hóa, rồi tang cốt ở chùa Bảo-quang xây lên thành tháp. Năm ấy Huệ-tông mới có 33 tuổi.

Huệ-hậu bấy giờ còn trẻ lắm. Cái nhan sắc của hậu đã làm cho Lý-Huệ-Tông phải đắm mê ngày trước nay vẫn chưa sút kém bao nhiêu. Từ khi Huệ-tông đau yếu, rồi lại cắt tóc đi ở chùa, rải mấy xuân thu, hậu tuy có chồng mà không khác gì người ở góa. Thủ-Độ thấy thế vẫn băn khoăn thương hậu, và cũng thèm muốn cái nhan sắc đắm nguyệt ngâm hương. Khoảng đời Lý Trần, có lẽ luân lý nước ta chưa ngăn cấm sự đồng tình thông hôn... Có thuyết lại nói vì soi gương triều Lý đã mất nước vì nạn ngoại thích, cho nên triều Trần chỉ trong hoàng tộc thông hôn lẫn nhau, để tránh cái họa cũng khá nguy hiểm này. Sau khi Lý-Huệ-tông mất rồi, Thủ-Độ bấy giờ lại đương góa vợ, bèn xin với Trần Thượng-hoàng, giáng Huệ-hậu xuống làm Thiên-cực công chúa để gả cho mình. Dù sao đi nữa cái việc

chiếm lấy Huệ-hậu sau khi Lý-Huệ-tông mất đi chưa được mấy ngày, Thủ-Độ bị người sau chỉ nghị eo sèo cũng là xứng đáng.

IV. Hai đám giặc kiệt kiệt

SAU hai năm giời đem quân đi đánh dẹp, với cái hùng-tài đại lược của quan Thống-quốc Thái-sư cho nhà Trần là Trần Thủ-Độ, đã làm cho bao nhiêu đám giặc phải lần lượt mà tan rã dần. Những đám giặc lớn như ở Đại-hoàng, ở Quảng-oai đã từng cát cứ một địa phương trong bao nhiêu năm, cũng không thể cưỡng lại với sự dùng binh có mưu-lược và phương pháp của Trần Thủ-Độ. Nước Chiêm-thành cõi Nam cũng đã phải nể sợ, xin vào tiến cống. Tuy nhiên, còn có hai đám giặc kiệt kiệt, Trần Thủ-Độ chưa đánh hạ được, cuộc chinh phạt cứ kéo dài mãi, bởi vậy giang sơn nhà Trần, vẫn chưa được thấy cái hiện tượng thanh bình. Các việc thi thiết về chính-trị của một triều đại mới, Thủ-Độ cũng đã làm được nhiều việc hay nhưng chỉ mới thi hành được từ hữu-ngạn sông Phú-lương¹⁵ trở về phía nam, còn từ tả ngạn con sông ấy trở lên phía bắc, nhiều nơi chính lệnh của tân-triều chưa khắp tới được, chính vì có hai đám giặc mạnh. Hai đám ấy là những đám nào ? Lại vẫn là Đoàn Thượng ở Đông và Nguyễn Nộn ở Bắc.

Đoàn Thượng là người Hồng-Châu tức là người làng Trung-độ, huyện Gia-lộc, Hải-dương bây giờ. Nguyên Thượng trước làm quan nhà Lý ; khoảng năm Kiến-gia thứ 2 (1212) đời Lý-huệ-Tông, trong nước có nhiều giặc cướp, triều đình sai Thượng về Hồng-châu mộ những dân binh đi đánh dẹp. Thượng thừa dịp ấy tác oai tác phúc, nhiều người sợ hãi không dám nói năng gì. Sau tội trạng ngày càng rõ thêm, bị các quan đàn hặc rồi bị hạ ngục để chờ xét xử. Một hôm ở trong ngục, Thượng cướp giật được một thanh gươm của người lính canh, đoạn vượt khỏi ngục, mình trần như nhộng mà chạy xuống Hồng-châu. Xuống đấy, Thượng tụ họp đồ đảng, đắp thành xưng vương ; triều đình sai quân đi đánh mãi vẫn không trị nổi.

Nguyễn Nộn là người lộ Bắc-Giang, tức là người làng Phù-minh huyện Tiên-du Bắc-ninh bây giờ. Trong năm Kiến-gia thứ 8 (1218), Nộn là một kẻ

cư-sĩ ở chùa làng Phù-đồng (làng Gióng) thường hay đến chùa này giảng kinh thuyết kệ. Nhân khi đào đất ở vườn chùa, Nguyễn Nộn bắt được một ít những đồ vàng ngọc, cất giấu đi không đem tiến trình, có kẻ cáo giác đến tai triều đình, Huệ-tông sai bắt Nộn bỏ ngục. Bị giam trong ngục chừng nửa năm, Nguyễn Nộn được Trần Tự-Khánh kêu xin tha cho, bắt đi tòng quân đánh giặc để lấy công chuộc tội, Triều-đình y chuẩn, mùa đông năm Kiến-gia thứ 9 (1219) sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh giặc mán Quảng-oai.

Việc đánh giặc chưa lập nên công trạng gì tận đến năm sau (1220) Nguyễn Nộn đem quân cất lên về làng Phù-đồng đóng giữ ở đấy : tự xưng là Hoài đạo-Vương, dâng biểu về kinh xưng thần, tình nguyện sẽ đem quân đánh giặc giã để chuộc tội lỗi. Thế là chẳng những Nguyễn Nộn chưa vì triều-đình nhà Lý dẹp được một đám giặc nào cả, mà chính hãn đã lại nổi lên thành một đám giặc, rồi Huệ-tông sai người đưa sắc-chỉ đến tuyên dụ, khuyên hãn phải bỏ vương-hiệu đi, mới tỏ được rằng thật lòng quy hướng về Triều-đình. Nguyễn Nộn không chịu bỏ. Triều-đình nhà Lý cũng vẫn không làm gì được hãn.

Thế-lực Nguyễn Nộn cũng như thế-lực của Đoàn Thượng, cứ mỗi ngày một thêm mạnh lớn, hết đời nhà Lý, Triều-đình vẫn không dẹp yên được, sang đời nhà Trần, Trần Thủ-Độ đem quân đánh đông dẹp bắc trong vài năm giời, giặc giã bốn phương đám thì phải đầu hàng, đám thì bắt giết, bờ cõi hầu được quang sạch, mà chỉ còn lại hai đám đại địch này. Vì thấy sức họ còn mạnh, không dễ đánh phá hay hàng phục ngay được nên năm Kiến-trung thứ 2 (1226), Thủ-Độ thỉnh mệnh của vua Trần Thái-tông, chính thức phong cho Nguyễn-Nộn làm Hoài-đạo vương, như cái vương-hiệu mà Nộn đã tự xưng, chia vùng Đông-Ngạn mấy huyện ở lộ Bắc-giang mà cho hãn ; cũng hẹn phong vương cho cả Đoàn Thượng nữa, định kỳ với Thượng đến hội thế, nhưng Thượng không đến.

Sau đó, Nộn và Thượng hai người lại bất hòa nhau, đem quân đánh lộn. Thủ-Độ mừng thầm trong bụng, định để cò trai găng nhau cho chán, rồi

mình sẽ thu cái lợi của ngư-nhân ¹⁶. Nhưng hay đâu thế lực Đoàn Thượng lúc ấy, yếu kém đi một cách không ngờ, nên không thể chống với Nguyễn Nộn được lâu, tháng chạp năm Kiến-trung thứ 4, Đoàn Thượng bị Nguyễn Nộn đánh vỡ và giết chết. Phá được Đoàn-Thượng, Nguyễn Nộn thu gồm được số quân sĩ của kẻ địch, lại vơ vét lấy những dân chúng, tiền của trâu ngựa ở vùng Hồng-châu đem đi, vả thêm con Thượng là Văn đem cả gia thuộc xin đầu hàng, oai thanh của Nguyễn Nộn lại càng lừng lẫy.

Trần Thủ-Độ thấy thế lo ngại, một mặt chia binh đi phòng giữ các chỗ ách yếu, một mặt vẫn sai sứ đưa thư đến mừng, gia phong cho Nộn làm Hoài-đạo Hiếu-võ vương, lại đưa nàng Ngoạn-Thiềm Công-chúa, bề ngoài tuy là để gây mối tình hiếu, nhưng bề trong thì cốt để công chúa dò thăm động tĩnh. Nguyễn Nộn cũng hiểu rõ cái thâm ý ấy, hẳn lập một buồng riêng cho công chúa ở, còn mình vẫn ở riêng làm việc, bởi thế công chúa cũng chẳng dò biết được điều gì.

Nộn có một viên tướng huy-hạ là Phan-Ma-Lôi, vốn người Chiêm thành, là một tay liệu định quyết thắng, dùng binh như thần, Nộn vẫn lấy làm ý trọng. Thủ-Độ thường muốn chiêu hàng được người Chiêm ấy, vì hễ mất Phan-Ma-Lôi, Nguyễn Nộn sẽ như là mất một cánh tay. Song Ma Lôi đối với Nguyễn Nộn lại rất trung thành, nhất định không chịu vì tước lộc vàng lụa mà thay lòng đổi dạ. Vì thế việc diệt trừ Nguyễn Nộn, Thủ-Độ còn cho là một việc không thể dễ dàng mà làm xong ngay được.

Song Nguyễn Nộn từ khi phá được Đoàn-Thượng, sinh ra kiêu túng, tự xưng là Đại thắng vương, hằng ngày chỉ yến tiệc tưng bừng và ham vui nữ sắc. Tuy nhiên, đã có những khi Nộn nghĩ : Mình không thể đứng đôi với Triều-đình nhà Trần ở Thăng-long được. Mà muốn hạ cái triều-đình ấy để thống nhất cả bờ cõi là một việc ở trên sức mình rất xa. Chẳng những vì nhà Trần thế-lực lớn gấp mấy mình, mà họ lại còn có một cây cột cả đủ để chống vững là Trần Thủ-Độ. Đã không thể đứng đôi, lại không thể đánh vỡ được triều đình ấy, vậy chi bằng mình chịu nhường nhịn, quy thuận về họ,

để hai bên đều được nghỉ việc binh cách, đem lại cho trăm họ cái phúc thái bình. Nộn nghĩ như thế rồi đem bày tỏ với Công chúa Ngoạn-Thiên. Công chúa hết sức tán thành mà nói :

- Đại-vương nghĩ vậy thật là một cái phúc lành đó. Hoàng Trần dựng nước, vốn là có ý gởi trợ thuận, chẳng thế sao cuối đời nhà Lý thiên-hạ giặc giã nổi lên như ong, triều-đình điều-binh khiến tướng đi đánh dẹp bao năm không bình định được, thế mà sau khi Hoàng trần ngự trị, chỉ mới vài năm mà giặc giã bốn phương đều tan rã hết, ở dưới binh oai của tân-triều. Duy có Đại-vương cũng là tay hào-kiệt một thời, triều-đình Thăng long vẫn riêng vị nể và trọng đãi, cho nên mới nào phong vương tước, nào sai tiệp-thiếp đến đây hầu hạ khăn lược, chính là cái ý muốn thu dùng lấy người hào-kiệt để làm thành bèn lũy cứng cho đất nước Lạc-Hồng. Vậy tướng Đại-vương rất nên thực lòng quy hướng về với triều-đình, rút bỏ đi cái va nội tranh, cùng mưu công cuộc cường thịnh cho nước nhà để còn đối trọi với những nước láng giềng phía Nam phía Bắc. Tiệp-thiếp rất mong Đại-vương sẽ thực-hành ngay ý định đó, thân về Thăng-Long triều cận, để cởi hết những mối ngờ vực, bỏ hết những sự đề phòng của đôi bên.

Nguyễn Nộn gật đầu, nhưng khi đem ý định ấy bàn với các kẻ huy-hạ, lại có một đôi người phản đối. Nhất là Phan Ma-Lôi bảo tội gì bó thân hàng phục, cứ nghênh ngang một cõi biên-thùy như thế, há chẳng hơn ư ? Vì thế Nguyễn Nộn lại sinh lòng do dự.

Chưa bao lâu thì Nguyễn Nộn ốm, bệnh thế mỗi ngày một nặng. Thái-sư Trần Thủ-Độ ở Thăng-Long tâu xin Triều-đình phái một viên nội-quan sang thăm. Bằng cử động ấy, Thủ-Độ chỉ muốn Nguyễn Nộn cảm vì ân nghĩa của Triều-đình mà sẽ quy hàng, để cố tránh một cuộc binh đao nếu phải diễn ra, sẽ có thể rất là dữ dội, làm khổ sinh binh và tổn đến nguyên-khí của nước. Thấy người của Thăng-long đến, Nguyễn Nộn muốn tỏ rằng mình vẫn khỏe mạnh chứ chưa sao cả, bèn sai lấy con phi-mã, con ngựa nghìn dặm mà xưa nay Nguyễn Nộn vẫn cưỡi, nhảy phốc lên rồi phóng một

mạch như bay. Nhưng đó chỉ là đem cái sức tàn mà gắng gượng biểu-diễn một lần sau cùng. Sau khi viên Nội-quan trở về, Nguyễn Nộn ốm liệt trên giường rồi chẳng bao lâu nữa thì chết.

Nộn đã chết, đồ đảng như con rắn mất đầu, đều tự trong tan vỡ ra cả, phần nhiều kẻ xin về hàng thuận, nhưng cũng có kẻ bỏ mà trốn đi, Phan Ma-Lôi lấy trộm được con phi-mã của chủ-tướng chạy biến đi phương nào, không ai rõ tung tích đâu cả.

Nguyễn Nộn chết, thiên-hạ từ đấy thu về một mối. Trải qua một hồi nhiễu nhương mấy chục năm từ đời Cao-tông Huệ-tông, nhà Lý, trăm họ đến đây mấy lại hưởng phúc trị bình. Bấy giờ là niên-hiệu Kiến-trung thứ 5 (1229).

VII. Mấy việc làm ngang ngược

SAU khi đã hỗn nhất được toàn quốc rồi, Thống-quốc Thái-sư Trần Thủ-Độ mới có thì giờ để ý về việc kiến thiết : Nào tra xét những thể lệ các triều-đại trước, đặt làm thông lệ của bản triều. Nào định ra lễ nghi, đặt ra hình luật. Đắp thêm thành Đại-la, bốn cửa thành sai quân tứ-sương luân lưu canh giữ. Trong kinh thành lập ra cung điện lầu gác cùng những dãy hành lang đông tây ; phía tả dựng ra cung Thánh-tử để Thượng-hoàng ở ; phía hữu dựng ra cung Quan-triều, để Hoàng-đế ở. Đặt tả hữu bàn, phường¹⁷ ở kinh, phỏng theo đời trước chia ra làm 61 phường, dưới quyền cai trị của ty Binh bạc¹⁸. Ban những quốc-húy, miếu-húy để người trong nước phải kiêng tránh. Vì cụ Nguyên-tổ triều Trần tên húy là Lý (Trần-Lý) Thủ-Độ bèn bắt phải đổi chữ Lý-triều gọi là Nguyễn triều. Sự đổi ấy, không những vị miếu húy mà thôi, chính để cho người trong nước không ai còn nhắc nhở ngóng trông đến triều Lý nữa.

Đối với triều Lý, Thủ-Độ còn làm một việc bạo ác này nữa, là dùng mưu ngầm mà tàn sát những người tông thất, muốn để không còn ai sót lại có thể làm nguy cho cơ nghiệp nhà Trần. Nguyên từ khi Thủ-Độ bức bách khiến Lý Huệ-tông phải chết, lại chiếm lấy Huệ-hậu lập làm phu-nhân, tông-thất nhà Lý sau khi tức tối về việc ngôi Lý bị đổ, nhân những việc ấy lại càng tức tối hơn, ai nấy đều coi Thủ-Độ như hùm dữ rắn độc. Tức ghét Thủ-Độ, dĩ nhiên người ta không thể ưa gì tân-triều được, nhưng vì thế lực yếu kém, nên vẫn phải bó tay chịu đòn. Thủ-Độ biết thế, từ trong thâm-tâm vẫn nghĩ đó là những cái họa-căn cần phải trừ, ông giữ cái thuyết là đã rõ cỏ thì phải nhổ tận rễ. Đất Bắc đương triều nhà Lý, vốn là quê-hương của nhà vua, các đế hậu thường ngự về luôn, nên những ly-cung xây dựng ra ở nhiều nơi lắm. Vùng tổng Hội-phụ ở phủ Từ-sơn bây giờ, khi xưa chỉ là một bãi đất hầu như hoang phế. Vua Lý bèn sai dựng ở đấy một tòa ly-cung và lập một cái ngự uyển lớn đến ba chục mẫu, trồng cây, trồng hoa rất đẹp

để thỉnh thoảng ngài ngự về Thiên-đức-phủ ¹⁹ thì qua đấy chơi xem. Ngự yên làm xong, nhà lấy dân đình các phủ các lộ đến ở lập thành các xóm ở chung quanh làm phu trồng coi. Những dân đình ấy ở họp lại thành 6 thôn là Thái-đường, Lộc-hà, Mai-liên, Đông-trù, Cự-trình, Du-lâm. 6 thôn lập nên một làng gọi là làng Hoa-lâm. Tại thôn Thái-đường, có dựng một cái nhà thờ Ngoại-tổ của vua Lý, rồi sau, lại là nơi cúng tế các bà Hoàng-hậu. Sang đầu đời Trần, tông-thất nhà Lý cũng còn giữ việc cúng lễ ấy, mỗi năm cứ xuân thu hai kỳ, tiệc tế các tiên-hậu lại cử hành ở cái đền thôn Thái-đường. Chí giết các tông-thất nhà Lý, Trần Thủ-Độ định nhân vào việc tế này. Hiệu Thiên-ứng chính-bình năm đầu (1232) trước kỳ tế thu, Thủ-Độ sai người ngầm đào một cái hầm sâu ở gần đấy, rồi bên trên dựng lên một nếp nhà mới rất là tráng lệ. Đến kỳ, tông-thất nhà Lý họp lại ở đấy đến bảy, tám mươi người để tế lễ. Tế xong, theo lời mời của Thủ-Độ, mọi người cùng vào dự tiệc ở trong ngôi nhà mới làm này. Tiệc rượu đến lúc ngà ngà say, Thủ-Độ sai người giật mái ngầm, cả ngôi nhà ấy đều đổ sụp xuống hố sâu, bao nhiêu tông-thất nhà Lý đều bị chôn sống dưới đáy hố, chỉ trừ có một số rất ít không đến dự lễ và tiệc hôm ấy mới được thoát khỏi. Cái hố thảm thương dưới cuộc suy vong của một triều đại ấy, sau người ta chất đá lên trên để làm một nấm mồ chung, và dân gian gọi là cái lăng. Cái lăng đó đến nay người ta còn nhận được là ở chỗ nào, tuy trải sau những cuộc dâu bể biến thiên đã bị vùi sâu dưới mấy tầng cát bồi của nước sông Thiên-đức (sông-Đuống). Khách hiếu cổ ngày nay qua thăm chốn ấy, trông lên trên lưng gò một đám mây phất phơ bàng lãng, còn tưởng như cái oán khí của những người chết thảm trong hầm sâu nọ, bốc lên thanh-không mà kết thành.

Vì chuyên ý quá vào cái cơ nghiệp của nhà Trần do mình phải dùng nhiều mưu lược tài trí mới xây dựng nên. Thủ-Độ chẳng những đối với triều Lý đã làm mấy việc đáng phàn nàn, mà về gia-đạo của triều Trần, ông cũng

đã gây ra những việc thương luân bại nghĩa, tất cả những hành động đó chỉ là theo cái mục đích làm cho đế nghiệp Đông-A²⁰ được củng cố.

Lý Chiêu-Hoàng từ khi đi ra làm Chiêu-thánh hoàng-hậu, vợ chính của vua Trần Thái-Tông đã có một lần vào năm thiên-ứng-chính-đình thứ 2 (1233), sinh ra một hoàng nam đặt tên là Trịnh và đã được lập ngay làm hoàng thái tử. Bấy giờ cả vua và hậu đều mới 16 tuổi. Song Thái-tử Trịnh ra đời chưa được bao ngày đã mất, rồi sau đó chừng ba, bốn năm. Hoàng hậu chưa thấy thai dựng gì. Vì thế mà hậu bị Thủ-Độ xui vua truất bỏ để cướp lấy vợ Hoài-vương-Liễu lập làm Hoàng-hậu.

Nguyên bà Huệ-hậu (Trần-thị) khi ở trong cung vua Lý Huệ-tông, có sinh được hai công chúa là Thuận-Thiên và Chiêu-Thánh. Thuận-Thiên hơn Chiêu-Thánh 2 tuổi. Huệ-tông đã gả về làm vợ Trần-Liễu, từ khi chưa lập Chiêu-Thánh làm Thái-tử và nhường ngôi cho. Trần-Liễu²¹ chẳng phải ai, chính là con cả Trần-Thừa và là anh ruột Trần Thái-tông, Thái-tông lên ngôi, phong Trần-Liễu làm chức Thái-Úy và sau khi Thượng-hoàng thăng hà năm Thiên-ứng chính-bình thứ 3 (1234), lại lấy Liễu vào làm phụ-chính và sắc phong là Hiến-hoàng để tỏ sự đặc cách quý trọng. Sau Hiến-hoàng có lỗi phải giáng xuống làm Hoài-vương. Trong năm Thiên-ứng chính-bình thứ 6, Trần Thủ-Độ nhân thấy Hoài-vương-phi tức là Thuận-Thiên công chúa vốn người sinh sản dễ dàng²² và khi ấy lại đương có thai giữa lúc Chiêu-Thánh hoàng-hậu đã mấy năm chưa sinh dục gì : muốn nhà vua sớm có hoàng-tử để cho gốc nước được vững vàng, ông bèn nảy ra cái ý định di hoa tiếp mộc. Dem ý ấy bàn với phu nhân, tức là bà Huệ-hậu cũ thì bà cũng cho là cái kế hay lắm, hết sức tán thành. Rồi đó, ông ép Thái-tông phải cướp lấy Hoài-vương-phi vào cung, đặt làm chính-cung, còn Chiêu-Thánh hoàng hậu thì giáng làm công chúa, đưa ra ở biệt viện.

Trước một cái việc ngang chướng này, Thái-tông không bằng lòng lắm, phần đối với anh và chị dâu là thương luân loạn đạo, phần đối với vợ là bội

nghĩa bạc tình. Nhưng, cả giang sơn này là của Thống-quốc Thái-sư gây dựng nên cho, Thái-sư muốn thế nào, phải được như thế, không có thể mà chống cưỡng lại.

Thương hại thay Chiêu-Thánh hoàng-hậu từ đấy sống âm thầm tại nơi biệt-viện, tựa mình trong cửa nhìn những chuỗi ngày xuân lạnh lẽ trôi đi.

Song ở Chiêu-Thánh là một người đàn bà yếu ớt nên phải chịu đòn, chứ Hoài-vương Trần-Liễu thì sự tức bực đã đưa ông đến bước nổi quân làm loạn. Hoài-vương vẫn lẩn thần nghĩ mình là anh, chịu làm tôi em đã là điều đáng thẹn : huống nay vua em lại nghe theo kế hoạch của ông chú họ, chiếm cướp vợ mình nữa, nếu mình cam chịu chẳng cũng là hèn đốn lắm ư ? Ông bèn rời khỏi kinh thành Thăng-long, xuống miền hạ lưu sông Phú-Lương, chiêu mộ đồ đảng, rồi nổi lên làm loạn, đánh phá vào các châu huyện. Thái-tông được tin, nghĩ anh mình nổi loạn như thế chỉ vì cái việc phi lý mà mình vừa làm đó : nay mình đã cướp vợ của anh lại đem quân cùng đánh lộn, cốt nhục trong nhà mà tương tàn như vậy, thật là mang một tiếng xấu, còn mặt mũi nào để đối với thiên hạ thần dân ! Nghĩ thế rồi đương đêm vua bỏ kinh thành lén ra bến sông xuống một chiếc thuyền con, thuận giòng suối xuống miền đông, đến núi Yên-tử, ở với Phù-Vân quốc-sư là một người bạn cũ đương tu ở đấy. Phù-Vân quốc-sư rất kinh ngạc, khẩn khoản khuyên vua về kinh, nhưng vua nói :

- Không, ta sẽ ở đây cùng tu với quốc-sư, không trở về nữa. Việc nước đã có quan Thống-quốc thái-sư trông coi tất cả, còn cái ngai vàng, ta xin để nhường cho anh ta, chứ anh em tranh nhau, thiên hạ chê cười.

Sáng hôm sau, Thủ-Độ đem quần thần xuống đông đón ngự giá về, Vua không chịu về mà nói :

- Trăm tuổi còn trẻ thơ, chưa kham nổi được một cái cơ nghiệp lớn ; phụ-hoàng lại sớm bỏ, khiến trăm mất nơi nương tựa, nay không dám ở trên

ngôi hoàng-đế để làm nhuốc nhơ cho xã-tắc. Mong Thượng phụ thể tình mà để trẫm được ở trên đây.

Thủ-Độ nói mãi đến hai, ba lần nữa, Thái tông vẫn nhất định không về. Quan Thái-sư bực mình lăm bảo mọi người :

- Thôi thì Hoàng-thượng ở đâu, ta lập ngay triều đình ở đấy là xong.

Ông bèn trở tay vào các ngọn đồi núi bảo chỗ này làm điện Thiên-an, chỗ kia làm điện Đoan-minh, rồi lập tức sai người khởi công xây dựng. Phù-Vân quốc-sư nghe thấy thế vội tâu với vua rằng :

- Thôi xin bệ hạ hồi loan cho, kéo làm cho núi rừng đều bị phá hủy và khổ cho trăm họ về việc xây dựng.

Vua không sao được mới đành phải về kinh.

Bấy giờ Thủ-Độ đã điều khiển tướng-sĩ xuống miền xuôi dẹp loạn Hoài-vương. Sau vài trận giao binh, Hoài-vương nghĩ mình thế lực cô đơn, khó lòng chống nổi, bèn vận mặc giả làm một người phường chài, bơi chiếc thuyền nhỏ lên đến thuyền ngự của Thái-tông xin hàng. Vua và Hoài-vương trông thấy nhau, cốt nhục tình sâu, anh em cùng cảm động bưng mặt mà khóc rưng rức. Thủ-Độ nghe tin lập tức đến ngay thuyền ngự, trông thấy Hoài-Vương liền tuốt gươm quát lớn lên rằng :

- Hãy chém chết ngay thẳng giặc Liễu !

Vua hoảng hốt đẩy Liễu vào trong khoang thuyền đứng lên bảo với Thủ-Độ rằng :

- Thôi Phụng-Cân vương²³ đã xin đầu hàng rồi, Thượng-phụ tha cho.

Nói rồi vua lấy mình che cho Trần-Liễu. Thủ-Độ tức giận lăm quăng thanh gươm xuống sông mà nói :

- Thì ra ta chỉ là con chó săn thôi ! Còn hiểu được sự thuận nghịch của anh em nhà người thế nào ?

Vua đem lời hòa giải ôn tồn, Thủ-Độ mới nguôi nguôi cơn giận. Vua bèn lấy các đất miền đông như An-phụ, An-dưỡng, An-sinh, An-hưng, An-bang²⁴ phong cho Trần-Liễu làm ấp ăn lộc, nhân tên đất mà gọi là An-sinh-vương, những người theo Trần-Liễu nổi loạn, đều bị Thủ-Độ bắt đem làm tội.

VIII. Đầu thần chưa rơi xuống đất xin Bệ-hạ đừng lo

SAU việc loạn ấy, tuy đất nước yên ổn thái bình, nhưng nhà đương-quốc Trần Thủ-Độ không lúc nào quên việc tu chỉnh vũ-bị. Vì ông trông cái gương cuối đời nhà Lý, giặc trong giặc ngoài nổi dậy, mà chỉ vì binh lực triều đình suy yếu không đánh dẹp nổi, nên cơ nghiệp phải đến tan tành. Tháng 3 năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 8 (1239), ông tuyển lấy những người đình tráng trong nước bổ sung làm lính, chia làm ba bậc thượng, trung, hạ. Tháng 2 năm thứ 10, tuyển những người dân có sức khỏe và am hiểu võ nghệ, sung làm quân thượng-đô túc-vệ. Năm thứ 5 (1246), mùa xuân tháng 2, định ra các quân hiệu, tuyển những binh đình khỏe mạnh, sung vào các vệ quân tứ Thiên, tứ Thánh, tứ Thần. Như quân ở các lộ Thiên-trường, Long-hưng, đặt làm những vệ Thiên-thuộc, Thiên-cương, Chương-thánh, Cung-thần. Quân ở 2 lộ Hồng, Khoái, đặt làm những vệ Tả, Hữu Thánh-dực ; quân ở các lộ Trường-au Kiến-xương, đặt làm các vệ Thánh-dực, Tuần-sách ; còn ngoài ra thì sung làm quân cấm-vệ.

Tuy chăm việc võ nhưng cũng không chảnh mảng việc văn. Từ năm Kiến-trung, đã mở ra khoa Thái-học-sinh²⁵, tuyển lấy những tay văn học có tài để giúp việc chính trị, lại mở ra khoa thi tam giáo tuyển lấy những người tinh thông về những giáo lý Nho, Đạo, Thích, để lãnh đạo việc tín ngưỡng của dân gian. Song hai khoa Thái-học-sinh Nhâm-thìn (1232) và Kỷ-hợi (1239) chỉ mới chia ra giáp ất mà thôi, đến khoa Đinh-mùi (1247) lại bắt đầu chia định ra bậc tam khôi, lấy Nguyễn-Hiền đỗ Trạng-nguyên, Lê-văn-Hưu đỗ Bảng-nhữn, Đặng Ma-La đỗ Thám-hoa. Khoa cử có tam khôi, bắt đầu từ đây.

Về khu vực chính trị khi ấy, toàn quốc chia làm 12 lô, mỗi lô đặt ra những chức chánh phó Yên-phủ hay Trấn-phủ để cai trị và thủ-ngữ. Mỗi

làng và mỗi trại, đặt ra những chức Đại, Tiểu Tư-xã để trông coi, hàng ngũ-phẩm trở lên gọi là Đại Tư-xã, lục-phẩm trở xuống gọi là Tiểu Tư-xã. Mỗi viên coi 1 hoặc 2, 3, 4 làng cùng với những viên Xã-chính, Sử-giám đều là quan của hàng xã.

Đựng số hộ khẩu, hạng con giai nhớn gọi là đại hoàng-nam ; nhỏ là tiểu hoàng-nam ; 60 tuổi gọi là hạng lão ; già hơn nữa gọi là long lão. Thuế đinh chỉ đánh vào những người có điền thổ, ai không có thì được miễn trừ. Hạng người có từ 1 mẫu đến 2 mẫu phải nộp thuế đinh 1 quan, 3 mẫu đến 4 mẫu phải nộp 2 quan, 5 mẫu trở lên phải nộp 3 quan. Thuế ruộng thì cứ mỗi mẫu phải nộp một trăm thương thóc.

Bấy giờ sông Phú-lương, tức là sông Nhị-hà bấy giờ còn chưa có đê, chỉ thỉnh thoảng ở những quãng thấp, người ta có đắp những bờ be nhỏ yếu. Hằng năm đến hồi nước lớn mùa hạ, những bờ be ấy thường bực vỡ, nước tràn vào làng mạc, đồng ruộng, rất là tổn hại cho nhà cửa, mùa màng. Ngay như kinh thành Thăng-long, cũng thường nhiều năm bị nước vỡ tràn ngập. Bởi vậy trong năm Thiên-ứng chính-bình thứ 17 (1248) Thủ-Độ tâu vua xin sức cho quan dân các lộ, phải đắp đê ở hai bên bờ sông Cái, suốt từ đầu nguồn xuống đến bờ bể để ngăn chặn nước lụt, gọi là đê Quai-Sanh (Đình nhĩ đê). Phàm đắp đến đâu, dân gian bị hao tổn ruộng đất, đều chiếu giá giá tiền cho cả. Nước ta bắt đầu có đê là khởi từ năm này.

Thủ-Độ hay tin thuyết phong-thủy, muốn cho không có những người hào kiệt nhờ sự « *được đất* » mà sinh ra rồi tranh chiếm giang sơn nhà Trần, ông thường sai những thầy địa lý, đi xem khắp núi sông trong nước, hễ chỗ nào có vượng-khí thì dùng mọi cách để yếm trừ đi. Sự đó, như ở Thanh-hóa thì đào sông Bà-lễ, dùi núi Chiêu-bạc²⁶. Ngoài ra còn những sự lấp ngòi lạch, mở đường lối vì cái mục đích yếm-trừ lẫn thần ấy, không thể kể hết.

Muốn cho Thái-tông trở nên một ông vua thượng võ. Thủ-Độ thường khuyên vua thân đem mình ra chỗ cương-trường. Như năm Thiên-ứng

chính-bình thứ 10 (1241) nhân có những quân biên-cảnh của nhà Tống tràn sang quấy nhiễu đất ta, theo lời kiến-nghị của ông, vua thân đem quân sang đánh các trại Vĩnh-an, Vĩnh-bình, rồi kéo qua các châu Khâm, Liêm mà về. Lại năm Nguyên-phong thứ 2 (1252), ông khuyên vua đem quân thân chinh Chiêm-thành. Nước Chiêm-thành từ đời nhà Lý suy nhược, thường sai quân dùng thuyền nhỏ nhẹ, vượt ra bắt cướp những cư dân của ta ở miền ven biển. Bản triều dấy lên, Thủ-Độ từng sai-se vào dụ dỗ và lấy độ lượng rộng rãi đối đãi với họ, nên họ đã chịu sai sứ vào tiến cống. Tuy nhiên họ thường đề nghị xin lại cõi đất ba chân đã dâng nộp cho ta về đời nhà Lý là Địa-lai Bó-chính, Ma-linh và luôn luôn để ý dòm nom. Thái-tông giận, năm ấy bèn cất quân thân chinh, mùa đông tháng chạp, sau một trận thắng, bắt sống được vợ vua nước ấy là Bó-gia-la và nhân dân thần thiếp rất nhiều đem về. Đến năm Nguyên-phong thứ 7 (1257), giặc Nguyên sang xâm. Thái-tông lại thân ra đốc chiến để chống với giặc, tuy rằng đã sai ông Trần-quốc-Tuấn cầm quyền tiết-chế.

Bấy giờ ở phía bắc nước Tàu, nhà Nguyên nổi lên tự đất Mông-Cổ, Nguyên-chúa sai quân đánh diệt được nhà Kim lại đương rong duỗi xuống miền nam định thôn tính nốt nhà Tống, để thu lấy toàn bức bản đồ của đất Trung-hoa. Một tên tướng Nguyên là Ngột-lương-cáp-thai cầm một cánh quân do dải đất miền tây nước Tàu kéo xuống mà đánh chiếm các hạt, đánh chiếm Đại-lý (Vân-Nam), rồi thuận đường tiến tràn sang mạn sông Thao của ta, Thái-sư Trần Thủ-Độ khi ấy xuân thu đã ngoài sáu mươi, một đời tận tụy với nhà Trần, người đã thấy trong mình mỗi nhọc. Bởi vậy nay gặp đám giặc lớn kéo vào lấn cướp, người không thể ra chấp chưởng binh quyền được bèn vì nhà vua tiến cử Trần-quốc-Tuấn, một trang thiếu niên anh tuấn tài kiêm văn võ trong hoàng tộc cầm quân lên hãn ngữ bắc-biên. Tuy vậy Thái-sư cũng vẫn không rời bên ngự giá để bàn tính những kế đánh giữ. Bấy giờ thế giặc đương mạnh mẽ phi thường, theo dải sông Phú-lương kéo tràn xuống như mưa như bão, quân ta không tài nào hãn ngữ lại nổi.

Vua Thái-tông thân ra đốc chiến, nhưng ngài phải lùi binh mãi để tránh sức mạnh của quân giặc. Quân ta rút xuống tận khúc sông Thiên-mạc²⁷ để quân giặc được rất dễ dàng mà chiếm cứ kinh thành Thăng-long. Thế nước lúc ấy thật là nguy ngập như trứng chòng, vua nhân ngự một chiếc thuyền con, đến thuyền thái-úy Nhật-Hiệu để hỏi kế. Nhật-Hiệu là em ruột của vua, tước phong Khâm-tiên đại-vương, đương ngồi tựa lưng vào mạn thuyền, lo sợ bối rối. Thấy vua hỏi, Nhật-Hiệu thò ngón tay trở nhúng xuống nước viết vào cái bánh lái thuyền hai chữ « *nhập tống* » nghĩa là khuyên vua nên chạy sang bên Tống. Vua lại hỏi :

- Thế đạo quân Tinh-cương của vương quân lãnh đâu ?

Nhật-Hiệu tâu :

- Thần cho gọi nhưng chúng nó không chịu đến.

Vua buồn rầu quá, quay thuyền đến hỏi Thái-sư Trần Thủ-Độ. Thủ-Độ tuy biết rằng tình thế quốc-gia thật là nguy ngập, nhưng ông tin ở quân đội của mình chưa tan vỡ, tin ở vua tâu trên dưới một lòng, đều hăm hở về việc đánh đuổi quân giặc và tin ở cái tài liệu địch quyết thắng một cách vững vàng của ông và của Trần-Quốc-Tuấn, ông bèn tâu vua rằng :

- Đầu thần còn đây chưa rơi xuống đất xin bệ-hạ đừng lo ngại gì.

Nghe lời nói ấy vua mới được vững lòng.

Quả nhiên không bao lâu, quân ta kéo lên đánh phá quân giặc được một trận lớn ở bến Đông-bộ-đầu, rồi thừa thế tiến lên khôi phục Kinh thành, quân Nguyên phải lật đật bỏ chạy. Trần-Quốc-Tuấn thống xuất các đạo quân đánh đuổi rất gấp, chỉ trong mấy ngày, giặc phải trút về Đại-lý hết, không còn sót lại một tên nào. Bấy giờ quân Nguyên cốt xuống bình định đất Đại-lý rồi nhân tiện đường thì ồ ạt kéo tràn sang ta chưa phải định ý lấn chiếm nước ta như hai trận lớn ở sau này, vì vậy việc quân ta đánh đuổi quân giặc, có vẻ dễ dàng, không phải khó khăn chật vật lắm. Tuy nhiên, đó

cũng là nhờ một lời nói cương quyết của Thái-sư Trần Thủ-Độ khiến cho vua tôi trên dưới, ai nấy đều vững lòng để chống với giặc. Chứ nếu không, Thủ-Độ lại cũng cuống trí như Nhật-Hiệu, vì vua hoạch cái kế nhập Tống, vua đã phải bỏ nước chạy ra xứ ngoài thì lòng tướng sĩ hẳn đều nao núng tan giãn hết, còn làm sao đánh đuổi được giặc mà khôi phục lại được giang sơn. Như vậy, cái nền độc lập của nước ta dựng lên từ đời Ngô-Đinh chắc đã bị sụp đổ ở năm này, chẳng phiến quân Nguyên còn phải kéo sang hai chuyến nữa để khi rút về thì tan nát không còn mảnh giáp. Cho nên câu nói kia của Trần Thủ-Độ, thật là *một lời nói hừng bang*²⁸, một lời nói chói rạng ở trên lịch sử nghìn năm của nước nhà.

IX. Tội hay công ?

TRẬN ấy, trong khi quân giặc vào chiếm cứ kinh thành, cung quyền và những quyền thuộc của các vương công đại thần, đã do đường thủy chạy xuống ẩn náu ở Hoàng-giang một con sông ở huyện Nam-xang thuộc tỉnh Hà-nam bây giờ. Người đứng đầu để trông nom che chở cho bọn người đi lánh nạn ấy là bà Linh-từ Quốc-mẫu họ Trần, phu nhân của quan Thái-sư Trần Thủ-Độ²⁹. Trong dịp này, người ta được thấy rõ bà là người có trí đảm đương, có tài tháo vát, khác hẳn với những người đàn bà tầm thường. Thuyền chạy nạn lúc ấy có đến hàng trăm, nào là các hoàng-tử công-chúa, nào là các tần-phi, phu-nhân, nào là vợ con của các tướng tá ngoài mặt trận. Trong lúc vội vàng chạy đi, nhiều người lương thực không đem theo được đủ, bà bắt người nhiều phải san cho người ít, người có phải bán cho người không, lại phải đi mua kiếm đem về để cung cấp cho ai nấy không phải thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu. Đêm đến, bà truyền cho quân cấm-vệ hiệp với những gia-đình của mọi nhà đi lánh nạn, lúc nào cũng dự bị sẵn để phòng có sự-biến bất ngờ xảy ra. Bà bắt họ phải cắt lượm nhau thức, đánh trống gõ mõ cầm canh, giữ sự trị an cho cái xóm nước mới lập ấy ; ai sơ suất sẽ lấy nghiêm hình trị tội. Một buổi gần tối, có ả nữ tỳ trong một chiếc thuyền nhà quan kia lên bờ có việc, bị một tên cấm binh theo sau trêu ghẹo ; bà được tin truyền bắt tên cấm-binh tra hỏi đích thực rồi lập tức sai đem chém đầu. Vì thế, binh tráng đều phải nép phục trước thư-uy của bà ; mà bọn trộm cướp thấy đã có phòng ngừa cẩn mật, cũng không dám bén mảng đến cái xóm ấy. Bà lại sai quân đi khám xét tất cả các thuyền, moi ra được nhiều binh khí của mọi nhà giấu giếm. Bà tịch thu những binh khí ấy, giữ lấy một phần để phòng quân hộ vệ có phải dùng đến, còn bao nhiêu, bà sai đưa tất cả đến nơi quân-thứ để tướng-sĩ dùng.

Nhờ ở tài nội trị khôn ngoan chu đáo của bà, mà từ vua quan đến tướng sĩ ở tiền tuyến đều được vững tâm, sự thắng trận cũng là do một phần ở đấy.

Linh-từ quốc-mẫu tạ thế tháng giêng năm Thiệu-long thứ 2 (1259) đời vua Thánh-tông, sau khi vua Thánh-tông tống vị. Nhà làm sử Ngô Sĩ-Liên bảo : « giờ sinh Linh-từ là để mở dựng cho nghiệp Trần. »

*

Song, mở dựng nghiệp Trần ta nên biết chính Trần Thủ-Độ mới là người có cái công trạng lớn lao. Trần Thái-tông có thiên-hạ, đều là do Trần Thủ-Độ đã hoạch kế bày mưu gọi mưa tầm gió. Những nhà bàn sử xưa nay phần nhiều chê trách Trần Thủ-Độ, bảo là một kẻ đại gian hùng đã lợi dụng địa vị của mình mà ngấm ngấm lật đổ ngôi vua nhà Lý. Thực ra thì ngôi vua nhà Lý, tự Lý Huệ-Tông đã làm cho nó đến phải đổ chứ có phải là lỗi ở Thủ-Độ đâu. Cơ đồ nhà Lý đến đời Huệ-Tông, bốn phương giặc giã, trăm họ lầm than, như một cái nhà đã bị xiêu gẹo mấy phần rồi. Huệ-Tông đáng lẽ phải chèo chống cái nhà xiêu này thì ông lại là người vô tài bất trí, có thể gọi là ngu tối nữa. Nếu không ngu tối, sao trước một tình hình rối ren của nước nhà như vậy, ông lại có thể truyền ngôi cho một cô gái bé để mình rảnh thân đi ở chùa ? Như vậy là giang sơn nhà Lý đã vô chủ rồi, sự vô chủ ấy là tự vua Lý lìa bỏ giang sơn vậy. Trong khi ấy thì núi Tản sông Lô chờ đợi bất cứ một người nào bước lên làm chủ, miễn là người ấy có tài định loạn, có thể đem bốn phương thu về một mối, cứu cho trăm họ thoát khỏi vòng binh lửa lầm than. Người có tư cách ấy, há chẳng phải là Trần Thủ-Độ sao ? Với cái tài lược của ông, ông rất có thể lên ngôi hoàng-đế làm chủ thiên hạ trong lúc này, mà không đáng phải chịu những lời dị nghị. Vậy mà ông lại không như vậy, để cái ngôi đại-bảo cho người cháu lên làm chủ tể, còn mình thì chẳng quản gọi gió tầm mưa, xông tên đột pháo, để làm cho bốn bề thẳng bình. Trần thay ngôi Lý, phải đâu là cái ngôi ấy đương yên ổn vững vàng, chính Trần Thủ-Độ còn phải dùng vào đấy bao nhiêu tâm lực mới đặt được quốc tổ vào chỗ Thái sơn bàn thạch. Vậy việc Trần Thủ-Độ lật đổ ngôi Lý và dựng nghiệp Trần, không có gì là đáng trách cả. Chẳng những không đáng trách mà ta còn đáng ca công tụng đức của bậc vĩ nhân

ấy, đã làm cho nước ta thống nhất dưới triều Kiến trung. Nhờ có sự thống nhất, nguyên khí của nước bị hao tàn sau mấy mươi năm loạn lạc, mới được bồi dưỡng dần dần, nên sau mới có đủ sức lực đánh phá được quân Mông-cổ là quân kiêu hùng nhất thế giới để giữ lấy nền độc-lập cho dân-tộc. Nếu không nhờ ở sự thống nhất quốc gia của Trần-Thủ-Độ, trong nước cứ kéo dài mãi cái tình trạng rối ren loạn lạc, thử hỏi quân Mông-Cổ sang cướp, người mình phỏng có cách nào mà chống lại được chăng ? Coi đó, Trần-thủ-Độ chẳng những không phải là người có tội trên lịch sử mà chính là người có công, không riêng có công với triều Trần mà thôi, thật là có công với cả nước Việt-Nam ta vậy.

Nếu Trần-thủ-Độ có cái chỗ đáng trách chỉ là việc xử tệ với nhà Lý, và việc làm rối loạn nghĩa trong cung vi nhà Trần. Tuy nhiên thiết tưởng những việc đối với nhà Lý tuy rằng đáng trách, song nếu ta chịu khó so sánh rộng ra một chút, cũng có thể nguyên-lượng cho ông. Vì cứ xem các nhà chính trị trong thế giới, đối với phe địch, hay đối với những người mà họ cho là có thể nguy hiểm đến sự yên vui của họ, nhiều khi họ còn hành động cách tàn nhẫn hơn thế.

Cái đời chính trị của Trần Thủ-Độ còn có nhiều câu chuyện hay, đáng làm gương cho người sau nữa :

Trong khi ông nắm giữ mọi quyền trong nước, vua Thái-tông thường phải cả nể. Có một viên quan nhân lúc vào bệ kiến, ứa nước mắt tâu với vua rằng :

- Bệ-hạ tuổi còn trẻ thơ mà Thái-sư Thủ-Độ quyền nghiêng nhân-chúa, không biết rồi tiền-đồ xã-tắc sẽ ra làm sao ! Hạ-thần vẫn lấy làm lo nghĩ về điều ấy lắm.

Thái-tông cho lời nói ấy cũng có một phần phải vì ngài vẫn hơi không mãn ý về nỗi Thủ-Độ chuyên quyền. Muốn để Thái-sư động tâm mà liệu

làm việc một cách phải thế hơn, vua bèn ngự giá đến chơi dinh ông, bắt cả viên quan vừa mới tâu hặc đi theo nữa. Đến nơi, vua bảo Thủ-Độ :

- Trẫm biết Thượng-phụ chỉ có tấm lòng son vì nước chứ không có bụng riêng nào. Vậy mà kẻ kia thấy người nắm giữ mọi quyền binh, dám ngờ vực xằng, đã tâu với trẫm là đáng lo ngại việc thượng-phụ chuyên quyền không hay cho xã tắc. Đó là lời nói rất có hại đến nghĩa vua tôi và tình chú cháu giữa thượng-phụ và trẫm. Vậy thượng-phụ nên đem hãn ra xử tội, để làm gương cho những kẻ nói bậy nói xằng.

Thủ-Độ nghe vua phán, trầm ngâm suy nghĩ một lát rồi tâu :

- Kẻ kia nói vậy mà đúng đấy, thần có chuyên quyền thật. Đó là người thẳng thắn, bạo dạn, chẳng những không nên làm tội mà lại còn nên khen.

Nói xong, ông lấy mấy quan tiền và mấy tấm lụa thưởng cho người này.

Linh-từ quốc-mẫu một lần ngồi kiệu đi qua trước thềm đến nhà vua, bị một tên lính ra ngăn cản lại không cho đi. Quốc-mẫu tức giận về dinh nói với ông rằng :

- Tôi là vợ ông mà quân lính nó dám khinh mạn như thế, phỏng còn thể diện gì nữa.

Ông nghe nói cả giận, sai đòi ngay tên lính ấy đến. Tên lính sợ hãi, đoán là mình tất chết chứ không khỏi được. Lúc hãn đến, ông gọi lại vặn hỏi, thấy hãn trả lời rất có lý, vì theo lệnh trên, hãn không được phép để cho ai nghênh ngang ngồi kiệu qua trước thềm rồng. Ông tươi cười bảo người lính rằng :

- Nhà ngươi ở một chức thấp nhỏ mà biết giữ phép như vậy, ta còn có thể trách vào đâu được nữa !

Ông bèn lấy vàng lụa thưởng mà cho về.

Có một người kia muốn làm chức *câu đương* trong làng, vào kêu riêng với Linh-từ Quốc-mẫu, Quốc-mẫu nói với ông, ông ghi nhớ lấy tên họ quê quán của người ấy vào lòng. Đến khi xét sổ hộ-khẩu của làng ấy, ông gọi hỏi đến tên người này, người này bước ra trình diện một cách hớn hờ. Nhưng, hắn đã phải xanh xám người đi khi nghe ông bảo :

- Anh nhờ thế lực của bà Chúa (trò Linh-từ Quốc-mẫu) mà được câu-đương, vậy những câu-đương khác không thể so sánh với được. Ta ưng cho anh làm chức ấy nhưng muốn để anh phân biệt với những câu-đương khác, ta cần phải chặt một ngón chân của anh.

Người này sợ hãi kêu van mãi để được tha cho và xin từ chức, một hồi lâu ông mới bằng lòng. Từ đấy không ai dám thậm thụt ra vào để kêu xin riêng với bà phu nhân nữa.

Thái-tông thường muốn dùng anh ruột là An-Quốc vào làm Tế-tướng. Ông nói :

- An-Quốc là anh của thần ; nếu Bệ-hạ cho rằng An-Quốc tài giỏi, thần xin trí sĩ để nhường cho anh thần lên ; nhưng bằng cho thần là khá hơn thì không thể lại dùng cả An-Quốc được. Hai anh em cùng là Tế-tướng thì việc Triều-đình còn ra sao ?

Vì thế việc cử An-Quốc mới thôi.

Tuy làm Tế-tướng, nhưng cả từ những việc bé nhỏ, ông cũng để ý săn sóc xem nom, bởi thế mà đã giúp nên được vương nghiệp nhà Trần, đi đến chỗ thành công tròn vẹn.

Ông thọ đến 71 tuổi mới mất, bấy giờ là tháng giêng mùa xuân năm thứ 7 (1264) niên hiệu Thiệu-long.

Thái thượng-hoàng (Thái-tông) và vua Thiệu-long (Thánh-tông) thương tiếc vô cùng, truyền bãi triều luôn mấy ngày và trích lấy của kho ra, cử hành tang-lễ một cách long trọng.

Hiện nay ngôi mộ của ông Trần Thủ-Độ còn ở thôn Ngự, xã Khuông-Phù thuộc huyện Hưng-nhân tỉnh Thái-Bình. Mộ ở xứ Đông ngừ, trông hướng tây nam, chiếm một khu đất hình tròn rộng đến ba mẫu mà người ta vẫn gọi là lăng. Giữa lăng có một cái gò đất cao trội chừng năm thước tây, bên dưới gò tức là chính huyệt. Trên gò có một cây đa lớn ; còn ở chung quanh phía dưới trước kia cũng có nhiều cây cối nhưng vì trận lụt năm 1926 bị lụt mất cả. Quanh lăng mộ có bốn con vật bằng đá to bằng con bê (bò con) tục truyền đó là trước thanh-long, sau huyền-vũ, tả chu tước, hữu bạch-hổ. Trận lụt năm 1926 cát bồi lấp kín mất một con phía tả còn ba con kia cũng bị lấp nhưng hãy còn thò đầu lên. Vì coi đây là chỗ đất cấm nên dân không dám khơi bới. Bên ngoài lăng cách 2 trăm thước có hai mô đất tục vẫn gọi là nấm hạ-mã ; ý hẳn trước kia trên hai mô đất ấy người ta có dựng bia hạ mã để báo những người đi qua phải xuống xe, xuống ngựa tỏ sự kính trọng.

Xã Khuông-Phù có 3 thôn thì 2 thôn Ngự và Chi-cấp đều có đền thờ Trần-thái-sư. Thôn Ngự có 10 mẫu tự-điền còn thôn Chi-cấp thì không. Hàng năm hai thôn đều làm lễ kỵ thần vào những ngày mồng 6 mồng 7 tháng giêng ; một trong hai ngày ấy là ngày mất của Thái-sư Trần Thủ-Độ.

Hà Nội Avril – Juin 1943

Các bậc phụ-huynh lưu tâm đến việc Giáo-Dục con em

Chỉ nên cho các em đọc loại sách :

TRẺ – VIỆT

Vừa để học hỏi, vừa để giải trí

Do Họa-sĩ *TỔNG-NGỌC* chủ trương

Nhà xuất-bản THANH-BÌNH

69, Hàng Bông Thợ Ruộm

– HANOI –

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI SỬ-YẾU của **PHẠM-VĂN-SƠN** *Chương trình Trung học lớp đệ nhị niên*, Bức giá : 30\$00

VĂN PHẠM TIẾNG PHÁP của Giáo Sư **NGUYỄN-DUY-DIỄN**, *Đệ thất và đệ lục* Giá : 12\$00

VĂN PHẠM TIẾNG ANH của Giáo Sư **NGUYỄN-KIM-SƠN**, *Đệ thất và đệ lục*, Giá : 16\$00

ĐANG IN : PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG

Nhà xuất-bản THANH-BÌNH

69, Hàng Bông Thợ Ruộm

– HANOI –

KDS 2671 – ngày 25-7-52

U.B.K.D.B.V.

Bắc-Việt : 10đ

Trung-Nam : 12đ



Notes

[← 1]

Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi, chữ ở thơ Thước-sào trong thiên Thiệu-nam.

[← 2]

Nay là đất huyện Gia-viễn tỉnh Ninh-Bình.

[← 3]

Thuộc huyện Ý-Yên Nam-Định.

[← 4]

Đều thuộc Hưng-Yên bây giờ.

[← 5]

Thuộc Hải-Dương.

[← 6]

Nay là làng Lưu-Xá huyện Hưng-nhân Thái-bình.

[← 7]

Phúc-kiến, lại có thuyết nói ở Quế-lâm.

[← 8]

Làng này, nay ở huyện Mỹ-lộc tỉnh Nam-Định.

[← 9]

Người làng Vân-Canh huyện Từ-liêm.

[← 10]

Con cả Trần-Lý, anh ruột Tự-Khánh, sinh ra Trần Thái-Tông.

[← 11]

Do chữ tiêu y cần thực, nói ông vua chăm lo việc nước, sáng dậy sớm mặc áo ra triều coi việc, ngồi đến qua bữa mới lui về dùng cơm.

[← 12]

Bàn thái là nói sự vững chãi như vùng đá lớn và núi Thái-sơn.

[← 13]

Cái cống này người thời bấy giờ gọi là Cống Đục (phẫu-môn). Nay thành phố Hà Nội có ngõ Cống Đục, có lẽ chính vì cái cống hồi ấy mà thành tên.

[← 14]

Nay là Yên-Phụ.

[← 15]

Sông nhị.

[← 16]

Do chữ « luật bụng tương tri, ngư nhân đắc lợi » : cò trai găng nhau, người đánh cá được lợi, nghĩa là bắt được cả đôi.

[← 17]

Dân-cư ở phía tả kinh thành gọi là tả bạn, phía hữu gọi là hữu bạn, trong bạn lại chia ra các phường.

[← 18]

Tức tòa Kinh triệu doãn.

[← 19]

Xưa là làng Cổ-Pháp, quê vua Lý, nay là làng Đình Bảng.

[← 20]

Đông-A là tiếng để chỉ nhà Trần, Chữ Đông ghép với nửa chữ A thành ra chữ Trần.

[← 21]

Thân phụ của Hưng-đạo-Vương.

[← 22]

Đã sinh một con gái là Doãn, sau phong Vũ-thân vương.

[← 23]

Tước phong của Trần Liễu về đời nhà Lý.

[← 24]

An-phụ, An-dưỡng, Anh-sinh, An-hưng là 4 làng thuộc huyện Đông-trào Hải-Dương ; An-bang là tên một cái trại đời xưa, nay thuộc huyện Yên-Hưng Quảng-Yên.

[← 25]

Tức Tiến-sĩ, nhưng bấy giờ chỉ gọi là Thái-học-sinh, đến năm Long-Khánh thứ 2 (1374) đời Duệ-tông là tiến-sĩ.

[← 26]

Sông Bà-lễ là một tên riêng của sông Mã ; núi Chiêu Bạc ngờ như từ là núi Chiêu-bạch ở huyện Nga-Sơn.

[← 27]

Khúc sông Nhị-Hà thuộc xã Mạn-trù, huyện Đông-yên phủ Khoái-châu Hưng-yên bây giờ.

[← 28]

Nhất ngôn hưng bang.

[← 29]

Tức bà Huệ-hậu cũ. Vua Thái-tông nghĩ bà từng là hoàng-hậu, nên sau khi bà lấy Trần Thủ-Độ, phong bà là Linh-từ quốc mẫu ; quốc-mẫu ý nghĩ cũng gần giống như là hoàng-hậu.